

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BÁO CÁO

RÀ SOÁT GIỮA CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

(Giai đoạn 05 năm: 2018 - 2022)

Hà Nội, 2020

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCH	Ban chấp hành
BTV	Ban thường vụ
CBCC	Cán bộ công chức
CBVC	Cán bộ viên chức
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCLĐT	Đảm bảo chất lượng đào tạo
KĐCLĐT	Kiểm định chất lượng đào tạo
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
HTSV	Hỗ trợ sinh viên
HVBCTT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
HVCTQGHCM	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NLĐ	Người lao động
NSNN	Ngân sách nhà nước
PGS	Phó Giáo sư
QC	Quy chế
SV	Sinh viên
TĐTT	Thể dục thể thao
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
VLVH	Vừa làm vừa học

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	01
PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG	07
PHẦN II: RÀ SOÁT GIỮA CHU KỲ	11
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	11
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý	14
Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo	23
Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đào tạo.....	28
Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	32
Tiêu chuẩn 6. Người học	37
Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và CGCN	45
Tiêu chuẩn 8. Hoạt động Hợp tác quốc tế.....	48
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	53
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính	54
PHẦN III: CÁC LĨNH VỰC CẦN CẢI TIẾN TRONG NỬA CHU KỲ TIẾP THEO.....	60

SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số 2414 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc

Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Lưu Văn An	Quyền Giám đốc (từ tháng 10/2020)	Chủ tịch Hội đồng
2	PGS.TS. Phạm Minh Sơn	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang	Phó Giám đốc	Phó Chủ tịch Hội đồng
4	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc Trung tâm KT&KĐCLĐT	Thư ký Hội đồng
5	PGS.TS. Trương Ngọc Nam	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
6	PGS.TS. Nguyễn Xuân Phong	Chủ tịch Công đoàn Học viện	Ủy viên
7	ThS. Vũ Quốc Cường	Chánh văn phòng Đảng ủy	Ủy viên
8	ThS. Thái Hồng Đức	Bí thư Đoàn thanh niên Học viện	Ủy viên
9	PGS.TS. Trần Thanh Giang	Trưởng ban Quản lý đào tạo	Ủy viên
10	PGS.TS. Hà Huy Phượng	Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên
11	PGS.TS. Nguyễn Đức Luận	Trưởng ban Quản lý khoa học	Ủy viên
12	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc TT TT&KĐCLĐT	Ủy viên

		... tác quốc tế	... Ủy viên
14	TS. Nguyễn Xuân Quang	Ban Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Ban Thanh tra	Ủy viên
16	ThS. Nguyễn Thị Tú	Phó Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên
17	TS. Nguyễn Thị Hồng Mến	Trưởng phòng Quản trị và Quản lý Ký túc xá	Ủy viên
18	ThS. Phạm Tuyên	Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Ủy viên
19	TS. Nguyễn Thanh Thảo	Giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học	Ủy viên

Danh sách ấn định gồm: 19 người./.

(Kèm theo Quyết định số 2414 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc

Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Giám đốc TT TT&KĐCLĐT	- Trưởng Ban thư ký - Điều phối các hoạt động rà soát, báo cáo giữa chu kỳ.
2	TS. Nguyễn Thị Hương	Phó Giám đốc TT TT&KĐCLĐT	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo giữa chu kỳ
3	TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Trưởng Ban Quản lý đào tạo	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác Đào tạo.
4	ThS. Đặng Thị Thoa	Phó Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác Tổ chức - Cán bộ.
5	TS. Nguyễn Thúy Hà	Phó Trưởng ban Quản lý khoa học	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác Khoa học.
6	ThS. Đinh Xuân Phi	Phó Chánh Văn phòng Học viện	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác Hành chính, văn phòng.
7	ThS. Nguyễn Tiến Vinh	Chuyên viên phòng Quản trị và	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo

		Quản lý ký túc xá	Cao niên quan đến công tác Quản trị và Quản lý ký túc xá.
8	ThS. Nguyễn Đình Định	Phó Trưởng phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên.
9	ThS. Vũ Thị Hồng Luyến	Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin khoa học	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác của Trung tâm thông tin khoa học.
10	TS. Trương Thị Hằng	Ban Kế hoạch - Tài chính	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến công tác kế hoạch tài chính.
11	ThS. Trần Đình Đức	Chuyên viên Trung tâm KT&KĐCLĐT	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến báo cáo rà soát giữa chu kỳ.
12	ThS. Trần Thị Thảo Anh	Chuyên viên Trung tâm KT&KĐCLĐT	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến báo cáo rà soát giữa chu kỳ.
13	Hoàng Việt Linh	Chuyên viên KT&KĐCLĐT	- Ủy viên - Rà soát, biên tập báo cáo liên quan đến báo cáo rà soát giữa chu kỳ.

(Danh sách gồm có 13 người)

1. Tên Học viện:

Tiếng Việt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tiếng Anh: Academy of journalism and communication

Tên viết tắt tiếng Việt: HBT Tên viết tắt tiếng Anh: AJC

2. Cơ quan chủ quản: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

3. Địa chỉ Học viện: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

4. Thông tin liên hệ: **Điện thoại** (84-024) 37.546.963

Fax: (84-024) 37548949

E-mail: website@ajc.edu.vn

Website: <https://ajc.hcma.vn/>

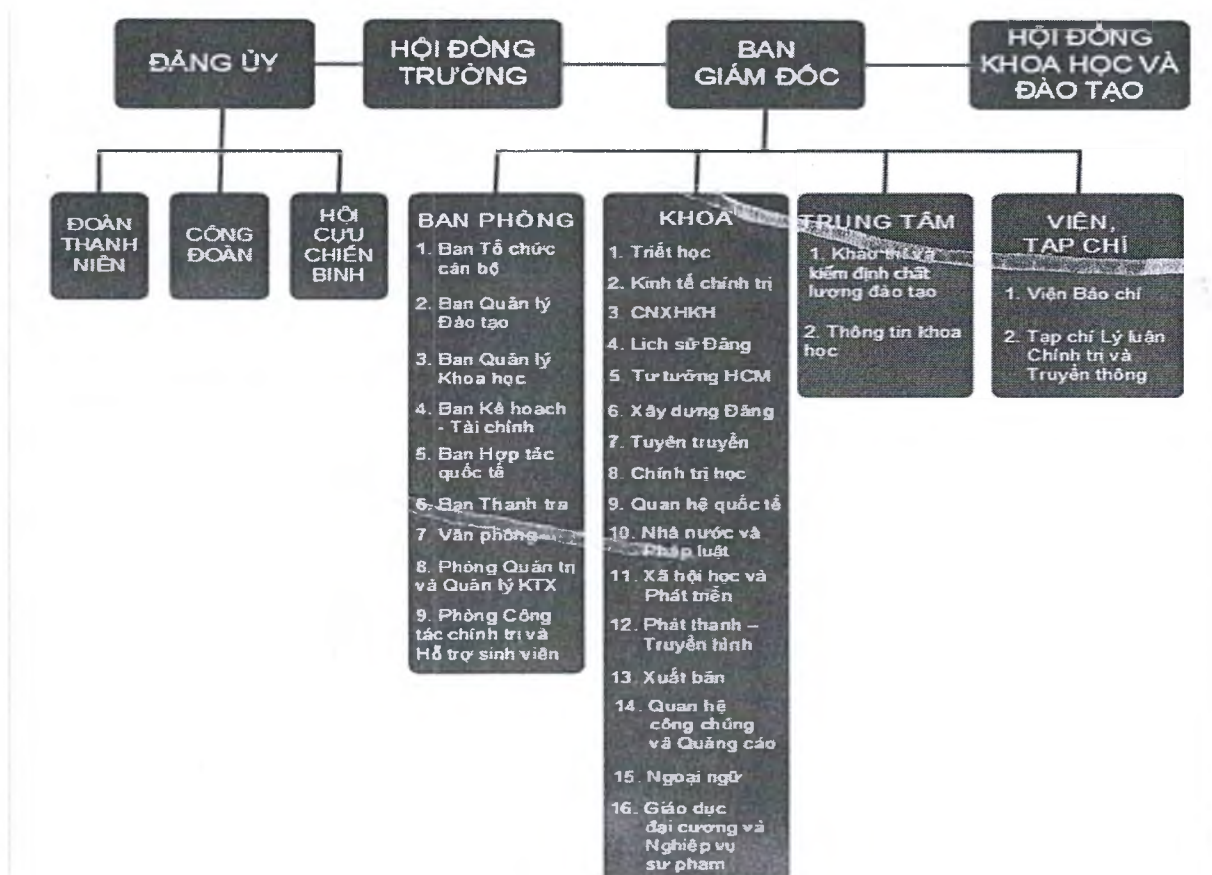
5. Thời gian đánh giá ngoài: 4/2018

6. Thời hạn trên Giấy chứng nhận KĐCLGD: 29/6/2018 - 29/6/2022

7. Thời gian rà soát giữa chu kỳ KĐCLGD: 29/11/2020

8. Những thay đổi lớn của Học viện tính từ thời điểm đánh giá ngoài:

8.1. Cơ cấu tổ chức của Học viện:



Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc				
2. Phó Giám đốc				
	Luu Văn An	PGS.TS; Quyền Giám đốc	0904.186.034	luuvanan@ajc.edu.vn
	Phạm Minh Sơn	PGS.TS; Phó Giám đốc	0912.778.171	phamminhson@ajc.edu.vn
	Nguyễn Thị Trường Giang	PGS.TS; Phó Giám đốc	0904.997.876	nguyenthitruonggiang@ajc.edu.vn
3. Đảng - Đoàn thể - Hội đồng trường				
Hội đồng trường	Trương Ngọc Nam	PGS.TS; Phó Chủ tịch	0983.008.959	truongngocnam@ajc.edu.vn
Bí thư Đảng ủy	Phạm Minh Sơn	PGS.TS; Bí thư Đảng ủy	0904.186.034	phamminhson@ajc.edu.vn
Văn phòng Đảng ủy	Vũ Quốc Cường	Chánh VP Đảng ủy	0904.800.574	vuquoccuong@ajc.edu.vn
Đoàn thanh niên	Thái Hồng Đức	Thạc sĩ; Bí thư ĐTN	0904.584.137	thaihongduc@ajc.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng				
Văn phòng Học viện	Nguyễn Thị Tú	ThS, Phó Chánh văn phòng	0989.737.950	nguyenthitu@ajc.edu.vn
Ban Tổ chức cán bộ	Hà Huy Phương	PGS.TS, Trưởng ban	0913.344.645	hahuyphuong@ajc.edu.vn
Ban Quản lý đào tạo	Trần Thanh Giang	PGS.TS, Trưởng ban	0984.927.397	tranthanhiang@ajc.edu.vn
Ban Quản lý khoa học	Nguyễn Đức Luận	PGS.TS, Trưởng ban	0988.345.268	nguyenducluan@ajc.edu.vn
Ban Hợp tác quốc tế	Vũ Thanh Vân	TS, Trưởng ban	0906.001.008	vuthanhvan@ajc.edu.vn
Ban Kế hoạch - Tài chính	Nguyễn Xuân Quang	TS, phụ trách	0941.811.699	Nguyenxuanquang@ajc.edu.vn
Ban Thanh tra	Nguyễn Thị Hải Yến	TS, Trưởng phòng	0986.261.176	nguyenthihaiyen@ajc.edu.vn
Phòng Quản trị và Quản lý KTX	Nguyễn Thị Hồng Mến	Ths, Trưởng phòng	0984.235.499	nguyenthihongmen@ajc.edu.vn
Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên	Phạm Tuyên	Ths, Trưởng phòng	0988.891.979	phamtuyen@ajc.edu.vn
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
TT Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	PGS.TS, Giám đốc	0936.689.969	nguyenthingochoa@ajc.edu.vn
Viện báo chí	Đỗ Thị Thu Hằng	PGS, TS, Viện trưởng	0984.405.568	dothithuhang@ajc.edu.vn
TT thông tin khoa học	Nguyễn Thanh Thảo	TS, Giám đốc	0915.595.897	Nguyenthanthao@ajc.edu.vn
Tạp chí LLCT và TT	Nguyễn Đức Hạnh	TS, Phó Tổng biên tập	0388.706.868	nguyenduchanh@ajc.edu.vn
6. Các khoa				
Triết học	Nguyễn Minh Hoàn	PGS.TS, Trưởng khoa	0913.828.018	nguyenminhhoan@ajc.edu.vn
Kinh tế	Lê Thị Thúy	TS, Trưởng khoa	0904.185.738	lethithuy@ajc.edu.vn
Chủ nghĩa xã hội KH	Bùi Thị Kim Hậu	PGS.TS, Trưởng khoa	0912.776.985	buihithimhau@ajc.edu.vn
Lịch sử Đảng	Vũ Ngọc Lương	TS, Trưởng khoa	0982.848.788	vungocluong@ajc.edu.vn
Xây dựng Đảng	Trần Thị Hương	TS, Trưởng khoa	0982.364.599	tranthihuong@ajc.edu.vn
Chính trị học	Nguyễn Xuân Phong	PGS, TS, Trưởng khoa	0904.030.372	nguyenxuanphong@ajc.edu.vn
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Doãn Thị Chín	PGS, TS Trưởng khoa	0917.291.694	doanthichin@ajc.edu.vn

luật				
Quan hệ quốc tế	Nguyễn Ngọc Oanh	PGS, TS, Trưởng khoa	0983.551.194	nguyennngocoanh@ajc.edu.vn
Xã hội học	Lưu Hồng Minh	TS, Trưởng khoa	0913.043.663	luuhongminh@ajc.edu.vn
Phát thanh truyền hình	Nguyễn Thị Trường Giang	PGS, TS, Trưởng khoa	0904.997.876	nguyenthitruonggiang@ajc.edu.vn
Tuyên truyền	Lương Ngọc Vinh	TS, Trưởng khoa	0974.516.526	luongngocvinh@ajc.edu.vn
Xuất bản	Vũ Thùy Dương	TS, Trưởng khoa	0988.793.334	vuthuyduong@ajc.edu.vn
Quan hệ công chúng & Quảng cáo	Nguyễn Thị Minh Hiền	TS; Phó Trưởng khoa	0982.048.883	nguyenthiminhkien@ajc.edu.vn
Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Việt Nga	TS, Trưởng khoa	0904.226.044	nguyenthivietnga@ajc.edu.vn
Giáo dục đại cương và NVSP	Trần Thị Thu Hiền	TS; Trưởng khoa	0912.445.299	tranthithuhien@ajc.edu.vn

8.3. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 06 chuyên ngành

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 20 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo cử nhân: 35 chương trình đại trà, 5 chương trình chất lượng cao, 1 chương trình liên kết.

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

8.4. Các loại hình đào tạo của nhà trường

STT	Loại hình đào tạo	Có	Không
1	Chính quy	X	
2	Không chính quy	X	
3	Tập trung	X	
4	Không tập trung	X	
5	Từ xa		X
6	Liên kết đào tạo với nước ngoài	X	
7	Liên kết đào tạo trong nước	X	
8	Các loại hình đào tạo khác (Nếu có, ghi rõ từng loại hình)...: Chất lượng cao	X	

8.5. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (sau đây gọi là cán bộ)

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	125	223	348
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	19	37	56
II	Các cán bộ khác: Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ¹)	170	113	283
	Tổng số			687

- Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 251
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 61.98%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà Học viện/Đơn vị (%): 48.21%
- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện/Đơn vị (%): 49%

8.7. Cơ sở vật chất (Diện tích đất, phòng học, thư viện, ký túc xá, sân bãi, phòng thực hành, thí nghiệm...)

- Diện tích đất: 57.310m²
- Phòng học: 86 phòng, tổng diện tích sàn: 11.957,9 m²
- Thư viện: 4 phòng, diện tích sàn: 630.72m²
- Ký túc xá: 286 phòng, diện tích sàn: 13.135,73 m²
- Sân bãi: 21.574.23 m² (bao gồm: nhà xe, khu tổ hợp bóng đá, nhà thi đấu cầu lông...)
- Phòng thực hành: 19 phòng, diện tích sàn xây dựng: 945.16m²

8.8. Những thay đổi khác:

Q. GIÁM ĐỐC



Lưu Văn An

Học viện cần rà soát, điều chỉnh và ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Học viện giai đoạn 2018 - 2035 và định hướng phát triển học thuật của Học viện; cần xác định rõ một số tiêu chí phù hợp với Sứ mạng trong Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, đặc biệt là về phát triển khoa học công nghệ.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

1.1. Học viện đã triển khai kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp với thực tế phát triển của Nhà trường [H1.1.1.1]. Giá trị cốt lõi của Học viện trong giai đoạn 2018 - 2035 và định hướng phát triển học thuật của Học viện. Khi rà soát và điều chỉnh Sứ mạng [H1.1.1.2]:

+ Sứ mạng của Học viện được xác định: là trường Đảng, trường đại học trọng điểm quốc gia, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh có sứ mệnh nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

+ Tầm nhìn: Học viện Báo chí và Tuyên truyền trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới.

+ Giá trị cốt lõi được Học viện xác định là Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi trước khi sửa đổi Học viện đã có chủ trương khảo sát rộng rãi đông đảo ý kiến của các bên liên quan và xác định rõ các nghiên cứu đỉnh cao và tạo ra được các nhu cầu mới của xã hội trong các lĩnh vực của báo chí - Tuyên truyền mang tính hàng đầu, trọng điểm và dẫn dắt của Học viện [H1.1.1.3], [H1.1.1.4].

Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với sứ mạng của Học viện [H1.1.2.1].

Mục tiêu phát triển đào tạo: Học viện là lựa chọn số 1 của sinh viên về lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông, nơi sinh viên ở vị trí trung tâm của quá trình dạy học với những trải nghiệm tích cực, sáng tạo.

Mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học: Học viện trở thành trung tâm quốc gia về nghiên cứu lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành về những lĩnh vực này.

Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực: Học viện có môi trường làm việc nhân văn, dân chủ và văn minh với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp, nhóm chuyên gia đầu ngành và giảng viên đạt chuẩn.

Mục tiêu phát triển hợp tác quốc tế: phát triển Học viện trở thành đối tác quốc tế uy tín, trách nhiệm, trong đó hợp tác quốc tế trở thành đòn bẩy, giải pháp chiến lược, thúc đẩy hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất: Học viện tăng cường tích lũy và quản lý nguồn lực chiến lược để xây dựng môi trường làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập thân thiện, hiện đại và sáng tạo [H1.1.2.2], [H1.1.2.3], [H1.1.2.4], [H1.1.2.5].

1.3, 1.4. Xuất phát từ yêu cầu thực tế trong việc điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu của chiến lược phát triển Học viện, Học viện đã triển khai lấy ý kiến rộng rãi của cán bộ, giảng viên [H1.1.3.1]. Những ý kiến đóng góp này sau khi được bộ phận chuyên trách tổng hợp sẽ trình Ban Giám đốc, xem xét, quyết định.

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Phương hướng thực hiện hoạt động lấy ý kiến của Học viện, sau khi lấy ý kiến và hoàn thiện văn bản trong nội bộ Học viện sẽ triển khai lấy ý kiến với các bên liên quan ngoài Học viện [H1.1.4.1].

Năm 2019, Nhà trường đã có chủ trương và xây dựng kế hoạch rà soát điều chỉnh Chiến lược phát triển Học viện tuy nhiên kế hoạch chưa thực hiện được trong thực tế do những nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

lược phát triển của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trên cơ sở những quy định mới của Ban Tổ chức Trung ương; Dịch bệnh Covid-19 bắt đầu diễn biến phức tạp vào tháng 3/2020 nhiều trường học phải nghỉ học phương thức dạy và học cũng phải thay đổi theo hướng phòng và chống dịch nên kế hoạch được Ban Giám đốc và Hội đồng trường thống nhất lùi thời gian sang năm 2021.

- Nguyên nhân chủ quan: Tháng 9/2019, đồng chí giám đốc nghỉ quản lý và đồng chí Phó giám đốc được cấp trên giao nhiệm vụ phụ trách Học viện vào tháng 10/2019. Tháng 3/2020, Học viện bổ sung thêm 01 đồng chí phó giám đốc đây là thời kỳ chuyển giao công việc nên Ban giám đốc mới quyết định chuyển tiến hành thực hiện kế hoạch sang năm 2021 tiến hành thực hiện [H1.1.4.2].

Chưa khai thác được nhiều nguồn tài trợ từ đối tác, doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn 2. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

1. Khuyến nghị của Đoàn Đánh giá ngoài

2.1. Học viện cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức Hội đồng Học viện và ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng. Học viện cần rà soát, bổ sung ban hành mới các văn bản cho cập nhật các quy định của Nhà nước và quy định của Học viện CTQG HCM; đồng thời cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống văn bản quản lý điều hành.

2.2. Các khoa cần kịp thời phổ biến cho đội ngũ giảng viên các quy định về chức trách, nhiệm vụ và các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để mỗi giảng viên chủ động xây dựng lộ trình học tập vươn lên đạt trình độ chuyên môn và các tiêu chuẩn đối với giảng viên.

2.3. Hằng năm, các Đảng viên và cấp ủy của các Chi bộ cần được tập huấn để nắm chắc các quy định của Đảng về việc đù dặt các Đảng viên dự bị và các quy định liên quan đến việc xét chuyên Đảng chính thức cho các Đảng viên dự bị.

2.4. Học viện cần hỗ trợ kinh phí và thời gian để cán bộ Bộ phận ĐBCL được tham gia các khóa đào tạo kiểm định viên. Học viện cần kịp thời xây dựng

đủ hơn trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân. Việc sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ đã đi vào nề nếp; quy trình sinh hoạt thực hiện bảo đảm theo hướng dẫn của cấp trên, tỷ lệ đảng viên dự sinh hoạt chi bộ, cấp ủy viên dự sinh hoạt cấp ủy khá cao, tinh thần trách nhiệm của đảng viên được nâng lên, phần lớn đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tinh thần tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng có chuyển biến tốt hơn so với trước đây, việc phân công và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với đảng viên được quan tâm hơn. Chi bộ phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Công tác kiểm tra, giám sát được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện khá toàn diện, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm trong chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, tổ chức đảng; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị. Ủy ban kiểm tra cấp ủy phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan duy trì thường xuyên nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, nhất là việc phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật nhằm thu thập thông tin, kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm... từ đó, công tác kiểm tra, giám sát theo định kỳ được duy trì và tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm; việc chấp hành Điều lệ Đảng, kiểm tra xử lý tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm được thực hiện tốt. Phần lớn cán bộ, đảng viên có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, tư cách của người cán bộ, đảng viên, phát huy tinh thần trách nhiệm, thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân đạt trên 80% [H2.2.3.9], [H2.2.3.12]. Năm 2019: Đảng ủy Học viện Báo chí và Tuyên truyền: 07 chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 22 chi bộ Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 61 đảng viên Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 294 đảng viên Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 17 đảng viên Hoàn thành nhiệm vụ; Công đoàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền: 10 công đoàn bộ phận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 95 công đoàn viên đạt danh hiệu đoàn viên xuất sắc.

	2018	2019	2020 (ĐH 15)
Bồi dưỡng nhận thức	370	385	138
Kết nạp Đảng	178	125	12

Năm học 2018 - 2019, Quyết định khen thưởng 125 đoàn viên đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên.

2.4. Hoạt động Đảm bảo chất lượng đã được Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện quan tâm nhiều hơn so với thời gian trước năm 2018. Trong Nghị quyết của Đảng ủy, báo cáo tổng kết năm học của Học viện, công tác Đảm bảo chất lượng đều được lãnh đạo nhà trường đề cập kết quả đã thực hiện được, những hạn chế, tồn tại cần khắc phục và kế hoạch triển khai các hoạt động trong thời gian tới [H2.2.4.1], [H2.2.4.2]. Hàng năm, Học viện đều triển khai Kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường [H2.2.4.3]. Cán bộ Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo luôn được Ban Giám đốc Học viện tạo điều kiện cho tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn. Hiện nay, Học viện có 04 cán bộ tham dự lớp đào tạo, bồi dưỡng Kiểm định viên do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia tổ chức và được cấp chứng chỉ [H2.2.4.5] và 02 cán bộ đang tham gia khóa học kiểm định viên dự kiến 01/2021 sẽ nhận được chứng chỉ. Học viện đã ban hành quyết định số 4237 ngày 30/9/2019 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Đây là căn cứ để thực hiện hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện theo chức năng, nhiệm vụ được Ban giám đốc phân công [H2.2.4.4]. Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo của nhà trường. Văn bản quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, mục đích, nội dung, quy trình triển khai các hoạt động khảo sát và vai trò của các bên liên quan trong hoạt động này, đưa hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi được thực hiện chuyên nghiệp và bài bản hơn [H2.2.4.6]. Các kết quả khảo sát là một trong những căn cứ để Ban giám đốc, các đơn vị hỗ trợ đào tạo và các khoa điều chỉnh phương thức quản lý cũng như phương pháp phục vụ và giảng dạy góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện.

Chiến lược phát triển Học viện Báo chí và Tuyên truyền đến năm 2035, tầm nhìn 2050, Học viện đã ban hành kèm theo Quyết định số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20 tháng 2 năm 2017. Hiện nay, Học viện đang triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thực tế phát triển của nhà trường. Học viện đã có định hướng cùng các giải pháp để đầu tư các nguồn lực nhằm hiện thực hóa các định hướng và các chỉ tiêu đã được hoạch định trong Chiến lược phát triển, cụ thể:

- Đào tạo đại học:

+ Tăng cường truyền thông tuyển sinh đảm bảo giữ vững và đạt chỉ tiêu tuyển sinh hệ đại học chính quy tập trung và vừa làm vừa học các ngành, chuyên ngành tại Học viện hàng năm.

+ Thường xuyên điều chỉnh Chương trình đào tạo của các ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển thực tiễn và nhu cầu của xã hội.

+ Hoàn thiện hệ thống giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo; đảm bảo tính liên thông, tích hợp phục vụ đào tạo cho nhiều ngành, chuyên ngành, ngành gần...

+ Tiến hành kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo [H2.2.5.2], [H2.2.5.3]

- Đào tạo sau đại học:

+ Tăng cường truyền thông tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ đảm bảo giữ vững và đạt chỉ tiêu tuyển sinh hệ chính quy tập trung và không tập trung các ngành, chuyên ngành tại Học viện hàng năm. Giữ vững các ngành, chuyên ngành đã có thương hiệu về đào tạo sau đại học lý luận chính trị và báo chí - truyền thông.

+ Thường xuyên điều chỉnh Chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ của các ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển thực tiễn và nhu cầu của xã hội.

+ Hoàn thiện hệ thống giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ; đảm bảo tính liên thông, tích hợp phục vụ đào tạo cho nhiều ngành, chuyên ngành Thạc sĩ, Tiến sĩ...

nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISI, Scopus và các tạp chí quốc tế, trong ước có uy tín học thuật, được công nhận về mặt khoa học.

+ Khuyến khích các giảng viên, nghiên cứu viên xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình các môn học...

- Nguồn nhân lực:

+ Thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật và của Học viện CTQG Hồ Chí Minh;

+ Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ, công chức, viên chức góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

+ Cải tiến, đổi mới, ban hành các chính sách thu hút nhân lực, trong đó chú trọng cải cách tiền lương, trả thù lao, thưởng... theo quy chế chi tiêu nội bộ trong Học viện đảm bảo đúng quy định.

+ Thực hiện tốt Quy định 201-QĐ/HVCTQG về bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, trong đó chú trọng quy hoạch nguồn cán bộ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; đảm bảo có được đội ngũ cán bộ có trình độ lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn có chất lượng cao.

+ Thực hiện tốt các chính sách khác liên quan đến nguồn lực của Học viện đảm bảo góp phần phát triển bền vững, lâu dài cho Nhà trường.

- Hợp tác quốc tế:

+ Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác đã có quan hệ từ trước; đồng thời tiếp tục tìm kiếm, quan hệ với các đối tác mới góp phần mở rộng hoạt động đối ngoại của Học viện;

+ Tiếp tục phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức các Hội thảo quốc tế về lý luận chính trị và báo chí - truyền thông;

+ Tăng cường nâng cao chất lượng các chương trình liên kết quốc tế, trong đó có chương trình hợp tác với MiddleSex (Vương quốc Anh); đảm bảo chất lượng; thù lao giảng viên giảng dạy hợp lý; tăng cường quản lý lớp tốt hơn.

- Cơ sở vật chất:

+ Tiếp tục đề nghị cấp trên phê duyệt các đề án về đầu tư, trang bị hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ phục vụ đào tạo, nghiên cứu tại Học viện; chú trọng dự án cơ sở vật chất chuẩn bị kỷ niệm 60 năm truyền thống Học viện Báo chí và Tuyên truyền (16/1/1962 - 16/1/2022);

+ Quản lý, sử dụng tốt cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt là các phòng học, thiết bị phục vụ thực hành nghiệp vụ báo chí - truyền thông;

+ Xã hội hóa đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật, tránh lãng phí, hỏng hóc, nhằm đảm bảo vận hành liên tục, tăng nguồn thu phúc lợi cho Học viện.

2.6. Công tác quản lý công văn đi và đến đã được quy định rõ và chi tiết trong Quy chế văn thư, lưu trữ của Học viện [H2.2.6.1]. Việc kiểm tra sổ sách công văn đi và đến cũng thường xuyên được kiểm tra và có kết luận đánh giá của Ban thanh tra là căn cứ để đề xuất những giải pháp thực hiện hiệu quả công tác văn thư lưu trữ của Học viện [H2.2.6.2], [H2.2.6.3]. Năm 2019, Kho lưu trữ công văn đã được bố trí lại nhằm đảm bảo hạn chế ẩm mốc và mở rộng diện tích kho rộng thêm 20m² đảm bảo cho công tác lưu trữ được tốt hơn [H2.2.6.4]. Duy trì hệ thống điều hòa để đảm bảo các tài liệu không bị ẩm mốc và được bảo quản một cách tốt nhất.

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

2.4. Hiện nay chưa có nhiều văn bản chuyên đề về tăng cường hoạt động đảm bảo chất lượng tại Học viện. Học viện chưa ban hành được Quyết định về thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong do đội ngũ cán bộ có chuyên môn về kiểm định chất lượng còn thiếu và biên chế của Học viện bị khống chế bởi quy định của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác đảm bảo chất lượng còn mỏng, hầu hết là những người làm kiêm nhiệm (văn phòng các khoa và 01 phó khoa), chưa có cán bộ được đào tạo đúng chuyên môn hầu hết là các cán bộ từ các chuyên môn khác được đi đào tạo bồi dưỡng tuy nhiên lại nằm rải rác ở các đơn vị (có 04 đồng chí được đào tạo bồi dưỡng về kiểm định chất lượng: 02 ở Trung tâm KT&KĐCLĐT; 01 ở Ban quản lý đào tạo; 01 đồng chí ở Hợp tác quốc tế).

sở vật chất, đội ngũ giảng viên và các tiêu chuẩn về cơ cấu tổ chức đáp ứng được những quy định về cấp chứng chỉ: ngoại ngữ, tin học, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất. Về đội ngũ, số lượng giảng viên có trình độ cao còn ít, chưa cân đối giữa các ngành/khoa so với yêu cầu chiến lược phát triển nhà trường. Trường đã có cơ chế đặc biệt thu hút nguồn lực này, tuy nhiên chưa thu hút được cán bộ có trình độ cao về làm việc tại trường.

Nguyên nhân khách quan: có những quy định mới về điều kiện đào tạo; sự cạnh tranh về nguồn lực đào tạo của các trường đại học và do đại dịch Covid -19.

Nguồn lực về tài chính còn hạn chế: Về tài chính, trường đã tích cực xây dựng các dự án để tăng nguồn thu. Tuy nhiên, nguồn thu của nhà trường chủ yếu từ học phí trong khi tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn, chưa đa dạng được các nguồn thu khác, ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động chi thường xuyên thấp; kinh phí dành cho xây dựng cơ bản, sửa chữa mua sắm trang thiết bị, đầu tư các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH còn hạn hẹp.

Dự kiến hoạt động này sẽ được tập trung thực hiện vào năm 2021.

Tiêu chuẩn 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài:

3.1. Khi mở ngành đào tạo mới, xây dựng mới CTĐT, Học viện cần thiết kế bảng khảo sát với các câu hỏi phải bao trùm được các nội dung về mục tiêu đào tạo, CDR, kết cấu kiến thức...Việc khảo sát cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp và bài bản; kết quả khảo sát cần được phân tích sâu theo các mục tiêu nhất định để đúc rút ra kết luận phục vụ cho việc mở ngành, mở CTĐT mới.

3.2. Học viện cần rà soát, điều chỉnh để chuẩn hóa các CTĐT và các đề cương chi tiết. Học viện nên tăng thêm số học phần tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của CTĐT đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động. Học viện cần kịp thời công khai hóa các CTĐT và CDR trên cổng thông tin điện tử của Học viện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

3.3. Đối với cơ sở liên kết ngoài Học viện, Học viện cần cử người chủ trì công tác coi thi; không nên giao cho cơ sở liên kết chủ trì việc coi thi.

3.5. Học viện cần rà soát Quyết định số 2384/QĐ-HVBC TT-ĐT của Học viện và bổ sung các yêu cầu theo đúng các nội dung trong Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT để bao phủ được hết các nội dung cần thiết và đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ thông tin cho xây dựng mới và hoàn thiện các CTĐT.

3.6. Học viện cần đặc biệt đầu tư nghiên cứu để điều chỉnh, đổi mới các môn học thuộc khối lý luận chính trị. Kết quả phỏng vấn cho thấy, Học viện nên mở rộng hơn việc nghiên cứu kinh điển về Chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời cập nhật những kết quả nghiên cứu mới của thế giới vào các môn Lý luận chính trị.

3.7. Học viện cần nghiên cứu để ký kết công nhận tín chỉ lẫn nhau giữa Học viện với một số trường đại học trong nước và nước ngoài.

3.8. Học viện cần xây dựng kế hoạch đăng ký KĐCL các CTĐT của Học viện để tự đánh giá và tiến tới đánh giá ngoài CTĐT nhằm đảm bảo tối thiểu 30% các CTĐT của Học viện hoàn thành việc đánh giá ngoài vào cuối năm 2020 theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện cần rà soát, điều chỉnh để chuẩn hóa các chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết. Học viện nên tăng thêm số học phần tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

3.1. Năm 2018, Học viện đã ban hành văn bản hướng dẫn về Đổi mới và hoàn thiện chương trình đào tạo đại học; trong đó có mẫu chương trình khung đào tạo trình độ đại học [H3.3.1.1]. Các Khoa đào tạo trên cơ sở văn bản hướng dẫn khi triển khai xây dựng chương trình đào tạo mới được hướng dẫn luận chứng về tính cấp thiết của việc mở ngành đào tạo mới, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc thu thập ý kiến khảo sát từ các bên liên quan (đơn vị sử dụng lao động,

dụng thang đo nhận thức Bloom, qua đó đảm bảo mức độ đo lường và đánh giá được đối với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đã công bố [H3.3.5.2], [H3.3.5.3], [H3.3.5.4].

3.6. Căn cứ QĐ số 4229 ngày 09 tháng 10 năm 2018 của BGDĐT, Học viện là một trong những cơ sở giáo dục ĐH được Bộ GDĐT giao đào tạo giảng dạy thí điểm các môn học lý luận chính trị [H3.3.6.1], [H3.3.6.2]. Từ năm 2018 đến nay, Học viện đã cử nhiều lượt giảng viên tham gia tập huấn bồi dưỡng các môn lý luận chính trị, giáo dục chính trị do Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Trong đó, tháng 01 năm 2019, 20 giảng viên Học viện đã tham gia tập huấn giảng dạy thí điểm các môn Lý luận chính trị do BGDĐT tổ chức [H3.3.6.3]. Học viện đã triển khai giảng dạy thí điểm các môn lý luận chính trị đối với cả 2 hệ lớp: chuyên ngành lý luận chính trị và không chuyên lý luận chính trị, đã sơ kết, báo cáo kết quả thí điểm để triển khai trong hệ thống giáo dục đại học. Đã triển khai 2 đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ việc đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho khối chuyên và không chuyên lý luận chính trị. Triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành lý luận chính trị phục vụ đào tạo [H3.3.6.4].

3.7. Học viện đã nghiên cứu và ký kết công nhận tín chỉ lẫn nhau giữa Học viện với một số trường đại học trong nước và nước ngoài [H3.3.7.1]. Cụ thể:

-Trong nước: Đã ký Biên bản ghi nhớ về việc thống nhất cùng hợp tác đào tạo giữa Trường Đại học Bình Dương và Học viện Báo chí và Tuyên truyền (tháng 10/2018).

-Quốc tế: Từ 2018 đến nay, Học viện đã ký 8 biên bản ghi nhớ hợp tác với các Viện, Trường ĐH quốc tế. Bản ghi nhớ hợp tác của Học viện trên các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng tập huấn chuyên môn ngắn hạn...

3.8. Học viện đã ban hành Kế hoạch Tự đánh giá chương trình 04 ngành đào tạo gồm có: Triết học, Quan hệ quốc tế, Quan hệ công chúng, Xã hội học [H3.3.8.1]. Để triển khai hoạt động này Học viện đã ban hành Quyết định v/v

chương trình đào tạo [H3.3.8.2]. Dự kiến trong năm 2020, Học viện sẽ hoàn thành Báo cáo Tự đánh giá chương trình đào tạo để đăng ký đánh giá ngoài. Học viện tiến hành các hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo căn cứ theo văn bản số 1075 và 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 và văn bản số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 [H3.3.8.3].

Trường đã cải thiện các điểm tồn tại của tiêu chí 3.3, tự đánh giá tiêu chí 3.3 đạt yêu cầu.

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Trường đã tiến hành rà soát lại quy định cập nhật, sửa đổi chương trình đào tạo, ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo sao cho phục vụ tốt nhất cho hoạt động quản lý dạy và học, kiểm tra đánh giá và kiểm định chất lượng, tuy nhiên đang tổ chức đấu thầu và tiến hành nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo vào năm 2021.

Tiêu chuẩn 4. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

4.1. Học viên nên nghiên cứu để đảm bảo sự khác biệt rõ rệt giữa các chuyên ngành; nên nghiên cứu để nâng cấp chuyên ngành thành ngành; để hướng tới hội nhập, nên tổ chức đào tạo các chuyên ngành theo mô đun, mỗi chuyên ngành là một mô đun, người học được chọn tự do giữa các mô đun, không phân chỉ tiêu theo chuyên ngành. Học viện cần hướng dẫn và tiến tới tổ chức cho sinh viên thi chứng chỉ ngoại ngữ tại các cơ sở được phép cấp chứng chỉ B1, B2 do Bộ GD&ĐT quy định.

4.2. Học viện cần nghiên cứu để cải tiến giao diện cổng thông tin điện tử đảm bảo việc đưa các thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết, CDR cố định trên mục ba công khai. Học viên cần xây dựng các học phần có khối lượng từ 2-3 tín chỉ theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014; học phần có nhiều tín chỉ cần được tách ra thành “học phần 1”, “học phần 2” để đảm bảo người học không bị quá tải khi học.

4.3. Học viện cần nghiên cứu tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách khoa học; Phiếu khảo sát cần được chuẩn hóa với các câu

sát của từng đợt. Học viện cần có quy định về thời điểm triển khai các khảo sát, quy trình khảo sát và phương pháp xử lý số liệu, phân tích kết quả khảo sát và viết báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các phân tích có tính khoa học để có thể theo dõi được sự tiến bộ trong hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các năm. Việc khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên cần được thực hiện ở tất cả các học phần trong từng học kỳ với tất cả các trình độ đào tạo trong Học viện.

- Học viện cần nghiên cứu, triển khai áp dụng khoa học đo lường và đánh giá để phân tích các câu hỏi thi và đề thi nhằm xây dựng được ngân hàng câu hỏi thi và tạo được các đề thi đánh giá sát thực năng lực của người học.

4.4. Học viện cần xây dựng CSDL quản lý và công khai hóa thông tin văn bằng chứng chỉ đã cấp. Thông tin công khai hóa văn bằng cần đặt trong mục “Ba công khai” để thuận tiện tìm kiếm. Thông tin nên được đưa dưới dạng tra cứu theo từng trường thông tin khác nhau.

4.5. Học viện cần ban hành quy trình khảo sát thống nhất trong toàn Học viện trong đó quy định rõ mục đích và yêu cầu của từng loại khảo sát, các thời điểm khảo sát, chu kỳ khảo sát, các đầu mối chịu trách nhiệm khảo sát và sự phối kết hợp giữa các đầu mối trong việc thu thập và phân tích các kết quả khảo sát để đảm bảo sự kết nối giữa các thông tin thu thập và kết quả tổng hợp phân tích. Kết quả khảo sát cần được phân tích theo các cấp độ vĩ mô (toàn Học viện) và vi mô tới từng giảng viên, từng CTĐT và từng ngành tùy theo mục đích của từng đợt khảo sát. Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến các bên liên quan khác điều chỉnh hoạt động đào tạo, CTĐT.

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện cần nghiên cứu tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách khoa học; cần nghiên cứu và triển khai áp dụng khoa học đo lường và đánh giá để phân tích các câu hỏi và đề thi nhằm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và tạo được các đề thi đánh giá sát thực năng lực của người học.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo đã triển khai theo hướng: các chương trình đào tạo cùng nhóm ngành có các khối kiến thức Giáo dục đại cương, Cơ sở ngành giống nhau; các chương trình đào tạo cùng ngành giống nhau các khối kiến thức Giáo dục đại cương, Cơ sở ngành, Ngành, chỉ khác nhau các kiến thức chuyên ngành thiết kế theo mô đun, cho phép sinh viên có thể chọn lựa chuyên ngành [H4.4.1.2]. Các văn bản triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng định kỳ đều được Trung tâm Khảo thí & KĐCLĐT xây dựng và ban hành đầu mỗi kỳ học [H4.4.1.3]. Định kỳ cuối mỗi khóa học, Học viện triển khai khảo sát người học cuối khóa về chất lượng đào tạo của nhà trường [H4.4.1.4].

4.2. Nhà trường đã cải tiến giao diện cổng thông tin điện tử đảm bảo việc đưa các thông tin về CTĐT, đề cương chi tiết, CDR, các nội dung liên quan đến chương trình đào tạo của nhà trường trên trang web tại mục Ba công khai [H4.4.2.1] (Các quyết định về giao đào tạo các ngành; Nội dung các chương trình đào tạo chi tiết; Chương trình học cụ thể của từng lớp, từng khóa học; kết quả học tập của các loại hình đào tạo,..). Đảm bảo người học được tiếp cận chương trình đào tạo của nhà trường một cách đầy đủ, rõ ràng, thuận lợi trong việc theo dõi và đăng ký học.

4.3. Học viện đã tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên một cách khoa học mỗi loại hình khảo sát được tiến hành 01 lần/học kỳ; Phiếu khảo sát được chuẩn hóa với các câu hỏi được thiết kế để thu thập các thông tin hữu ích phục vụ mục tiêu khảo sát của từng đợt và đã quy định rõ ràng về thời điểm triển khai các khảo sát, quy trình khảo sát và phương pháp xử lý số liệu, phân tích kết quả khảo sát. Báo cáo khảo sát với các khuyến nghị dựa trên các phân tích có tính khoa học đã có thể theo dõi được sự tiến bộ trong hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các năm cũng là căn cứ để ban giám đốc, đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên thay đổi theo hướng tích cực. Việc khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên cần được thực hiện ở tất cả các học phần trong từng học kỳ với tất các trình độ đào tạo trong Học viện [H4.4.3.1], [H4.4.3.2], [H4.4.3.3]. Học viện đã triển khai áp dụng khoa học đo lường và

câu hỏi thi và tạo được các đề thi đánh giá sát thực năng lực của người học.

4.4. Học viện đã công khai hóa các Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp chứng chỉ các loại và cấp bằng các hệ đào tạo trên website Học viện [H4.4.4.1]. Các quy trình đào tạo đều được thực hiện theo đúng quy định và được công khai hóa dưới nhiều hình thức như phổ biến trong buổi học chính trị đầu khóa, trang web của nhà trường, sổ tay sinh viên và trong các buổi sinh hoạt tại lớp, khoa thông qua các hoạt động của Đoàn Thanh niên học viện.

4.5. Năm 2019, Học viện đã thành lập Ban Tuyển sinh chuyên trách thực hiện công tác tuyển sinh của Học viện. Thông qua các hoạt động xúc tiến tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT, trên các kênh online như: Facebook, Zalo... nhà trường đã quảng bá, giới thiệu các ngành đào tạo tới người học và xã hội,... Mặt khác, các hoạt động quảng bá, giới thiệu về các ngành đào tạo, tuyển sinh thường xuyên được cập nhật trên website tuyển sinh của trường. Các hoạt động quảng bá về công tác tuyển sinh được đưa rộng rãi đến xã hội và người học thông qua các bài viết được đăng tải trên các trang thông tin điện tử và các tờ báo có uy tín.... Các chương trình truyền hình trực tiếp thông tin tuyển sinh và hình ảnh của Nhà trường được đánh giá cao và đạt số lượt truy cập hàng triệu lượt [H4.4.5.1]. Ngoài ra, nhà trường thường xuyên phối hợp với sở ban ngành của các địa phương (tỉnh/thành), các đơn vị liên kết để thực hiện khảo sát nhu cầu người học, đặc biệt với hệ VLVH. Từ năm 2018 đến nay, nhà trường đã mở rộng thêm quy mô tuyển sinh hệ VLVH tại các tỉnh Kiên Giang (300 sinh viên); Bạc Liêu (146 sinh viên); Bạc Liêu (160 sinh viên), Đồng Nai, Cần Thơ...

Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo của nhà trường [H4.4.5.2]. Trong Quy chế đã thể hiện quy trình khảo sát thống nhất trong toàn Học viện trong đó quy định rõ mục đích và yêu cầu của từng loại khảo sát, các thời điểm khảo sát, chu kỳ khảo sát, các đầu mối chịu trách nhiệm khảo sát và sự phối kết hợp giữa các đầu mối trong việc thu thập và phân tích các kết quả khảo sát để đảm bảo sự kết nối giữa các thông tin thu thập và kết quả tổng hợp phân tích. Kết quả khảo sát đã được phân tích

theo các cấp độ toàn Học viện và tới từng giảng viên, từng CTĐT và từng ngành tùy theo mục đích của từng đợt khảo sát [H4.4.5.3]. Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến các bên liên quan khác Học viện đã có những điều chỉnh hoạt động đào tạo, CTĐT. Hiện nay, Học viện triển khai định kỳ các loại hình khảo sát sau:

+ Khảo sát người học về chất lượng môn học và giờ giảng theo học kỳ (1000 bảng khảo sát/môn học) [H4.4.5.4].

+ Khảo sát người học cuối khóa về chất lượng đào tạo (2018:1200 lượt sinh viên tham gia; 2019: 1214 lượt sinh viên tham gia) [H4.4.5.4].

+ Khảo sát cựu sinh viên (2018:1290 sinh viên; 2019: 1360 sinh viên) và nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo (2018: 207 phiếu; 2019: 250 phiếu) [H4.4.5.4].

+ Khảo sát cán bộ, giảng viên Học viện về chất lượng đào tạo (2018: 202 lượt; 2019: 180 lượt) [H4.4.5.4].

Trường đã cải thiện các điểm tồn tại của tiêu chí 4.5 và tự đánh giá tiêu chí 4.5 đạt yêu cầu.

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Mặc dù, nhà trường đã tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh đến người học và xã hội, tuy nhiên kết quả tuyển sinh hằng năm đạt khoảng 90% chỉ tiêu đã đặt ra. Do nhu cầu tuyển dụng của các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, các tòa soạn, cơ quan báo chí, bộ, ngành... nên phần lớn người học sau khi tốt nghiệp THPT có xu hướng không đi học đại học mà chọn đi học nghề. Hơn nữa những quy định về cấp chứng nhận cao cấp lí luận chính trị cũng tác động không nhỏ đến số lượng người học hệ VLVH.

Tiêu chuẩn 5. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

5.1. Học viện cần căn cứ vào Chiến lược phát triển tổng thể Học viện để xây dựng chiến lược riêng về lĩnh vực phát triển nhân lực, có kế hoạch và nguồn

phát triển toàn diện của Học viện.

5.2. Học viện cần định kỳ khảo sát ý kiến của CBGV, nhân viên, người lao động một cách bài bản.

5.3. Học viện cần phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các khoa, bộ môn, phòng chức năng phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi CBGV và nhân viên trong việc tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, kế hoạch, chiến lược cũng như các văn bản quản lý, điều hành của Học viện.

5.4. Hằng năm, Học viện cần định kỳ khảo sát CBQL và giảng viên về nhu cầu và nguyện vọng được học tập bồi dưỡng làm cơ sở để đưa ra các chuyên đề, các lớp/khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc ưu tiên cử CBGV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên.

5.5. Hằng năm, Ban Tổ chức cán bộ cần phối hợp với lãnh đạo các đơn vị khảo sát mức độ hài lòng của CBVC, giảng viên và người lao động về thái độ hỗ trợ và chất lượng làm việc của CBQL.

5.6. Ban Tổ chức cán bộ cần xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho các CBQL, đặc biệt là các CBQL trẻ hoặc CBQL mới được tuyển dụng.

5.7. Học viện cần khảo sát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để cân đối với quy mô tuyển sinh của Học viện hằng năm. Học viện cần cân đối điều hòa số lượng học viên cao học do một giảng viên hướng dẫn để bảo đảm phù hợp với số lượng cho phép theo quy định trong Thông tư 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GDĐT để đảm bảo chất lượng hướng dẫn luận văn trình độ thạc sỹ.

5.8. Ban Tổ chức cán bộ cần phối hợp với lãnh đạo các đơn vị và các giảng viên chưa đạt chuẩn cùng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giúp các giảng viên này nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời Học viện cần có chế độ hỗ trợ về thời gian và kinh phí, kèm

chuẩn quy định trong khung thời gian đã được thống nhất chung.

5.9. Các bộ môn, các khoa của Học viện cần định kỳ hằng năm tổ chức một số seminar để các chuyên gia và các giảng viên giỏi chia sẻ và trao đổi bồi dưỡng các giảng viên trẻ về kinh nghiệm, các phương pháp và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề cho đội ngũ giảng viên trẻ và các kỹ năng triển khai các đề tài NCKH lớn.

5.10. Học viện cần có nghiên cứu và khảo sát đánh giá nhu cầu cũng như mức độ hài lòng của CBGV và người học đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, chuyên viên và cán bộ phục vụ của Học viện; đồng thời khảo sát nhu cầu học tập, phát triển của đội ngũ này để đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động và mục tiêu phát triển của Học viện. Học viện cần nghiên cứu và hỗ trợ, tạo cơ hội cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được thăm quan, học tập nước ngoài để nâng cao nghiệp vụ cũng như trình độ ngoại ngữ.

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện cần khảo sát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực để cân đối với quy mô tuyển sinh của Học viện hàng năm; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ giảng viên.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

5.1. Trên cơ sở Chiến lược phát triển tổng thể, Học viện đã ban hành chiến lược riêng về lĩnh vực phát triển nhân lực, có kế hoạch và nguồn lực đảm bảo việc bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm CBQL đáp ứng mục tiêu phát triển toàn diện của Học viện [H5.5.1.1]. Hàng năm Học viện đều ban hành kế hoạch về bồi dưỡng, phát triển đội ngũ của trường [H5.5.1.2]. Quy định về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ quản lý được Học viện đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc và chính xác trong thực tế [H5.5.1.3].

5.2. Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng đào tạo của nhà trường [H5.5.2.1]. Văn bản quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, mục đích, nội dung, quy trình triển khai các hoạt động khảo sát và

triển khai định kỳ khảo sát cán bộ, giảng viên nhà trường về chất lượng đào tạo (chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên; cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học) [H5.5.2.2], [H5.5.2.3].

5.3. Học viện đã phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các khoa, bộ môn, phòng chức năng phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi CBGV và nhân viên trong việc tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, kế hoạch, chiến lược cũng như các văn bản quản lý, điều hành của Học viện cụ thể: triển khai lấy ý kiến đóng góp về các chủ trương, quy định, quy chế của nhà trường đến từng đơn vị trong Học viện [H5.5.3.1]. Học viện đã phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi CBGV và nhân viên trong việc tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, kế hoạch, chiến lược cũng như các văn bản quản lý, điều hành của Học viện với nhiều hình thức như: phát bảng hỏi, trả lời câu hỏi thông qua fanpage, website... của nhà trường [H5.5.3.2].

5.4. Hằng năm, Học viện đã triển khai đến các đơn vị trong Học viện đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, căn cứ vào nhu cầu, nguyện vọng của cán bộ, giảng viên Học viện xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Học viện [H5.5.4.1]. Tuy nhiên, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền còn phụ thuộc nhiều vào Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H5.5.4.2], [H5.5.4.3], [H5.5.4.4], [H5.5.4.5].

5.5. Ban Tổ chức - Cán bộ đã phối hợp với lãnh đạo các đơn vị để tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, viên chức, giảng viên và người lao động về thái độ hỗ trợ và chất lượng làm việc của cán bộ quản lý [H5.5.5.1]. Qua đó, có những căn cứ để đề xuất với Học viện có những cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ quản lý trong Học viện [H5.5.5.2], [H5.5.5.3].

5.6. Hằng năm, Ban Tổ chức – Cán bộ đã tham mưu cho Ban Giám đốc ban hành về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Học viện trong đó có bồi dưỡng chức năng, nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý trên cơ sở nhu

[H5.5.6.5]. Trên thực tế hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phụ thuộc vào sự quyết định của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [H5.5.6.2], [H5.5.6.3], [H5.5.6.6].

5.7. Học viện xây dựng đề án tuyển sinh dựa trên kết quả các thống kê về cơ sở vật chất, số lượng giảng viên cơ hữu, tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Học viện cũng định kỳ triển khai khảo sát tình trạng việc làm của cựu sinh viên và lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo của nhà trường. Qua đó làm căn cứ để điều chỉnh về quy mô tuyển sinh, tập trung vào những ngành đào tạo được xã hội quan tâm [H5.5.7.1], [H5.5.7.2], [H5.5.7.3], [H5.5.7.4], [H5.5.7.5]. Giảng viên hướng dẫn số lượng đề tài luận văn của học viên đã được thống kê và cân đối theo đúng quy định của Bộ GDĐT.

5.8. Hằng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đến cán bộ, giảng viên trong Học viện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của cá nhân và đơn vị. Qua đó, từng cán bộ, giảng viên tự xây dựng lộ trình hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ để đạt chuẩn theo quy định. Bên cạnh việc cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài Học viện, Học viện còn tạo điều kiện về thời gian để giảng viên tự chủ động đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn về chức danh, nghiệp vụ của mình [H5.5.8.1], [H5.5.8.2], [H5.5.8.3].

Năm 2018: tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm: 87%, tin học 89.7%, ngoại ngữ 93.5%.

Năm 2019: tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm: 88%, tin học 90%, ngoại ngữ 94%.

5.9. Để các chuyên gia và các giảng viên giỏi chia sẻ và trao đổi bồi dưỡng các giảng viên trẻ về kinh nghiệm, các phương pháp và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề cho đội ngũ giảng viên trẻ và các kỹ năng triển khai các đề tài NCKH lớn Học viện định kỳ hằng năm tổ chức 45 seminar của các bộ môn, các khoa. Ngoài ra, còn giao đề tài khoa học cho giảng viên và

08 đề tài cấp nhà nước; 09 đề tài cấp bộ ; 50 đề tài trọng điểm; 384 đề tài cơ sở và 101 đề tài sinh viên [H5.5.9.1], [H5.5.9.2], [H5.5.9.3], [H5.5.9.4], [H5.5.9.6]. Các hội thảo và đề tài do các Khoa đào tạo chủ trì nội dung tập trung chủ yếu cung cấp những tri thức mới, giải pháp đào tạo thông minh, các phương pháp giảng dạy tích cực... Đây là cơ hội tốt để đội ngũ giảng viên trẻ được tiếp cận và hoàn thiện các kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ khác.

5.10. Bắt đầu từ năm 2018, Học viện đã triển khai định kỳ nhiều loại khảo sát [H5.5.10.2], [H5.5.10.3], [H5.5.10.4]. Trong đó:

+ Khảo sát cán bộ, giảng viên nhà trường về chất lượng đào tạo (chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên; cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học);

+ Khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo của nhà trường (chuẩn đầu ra, chương trình dạy học, kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, phương pháp giảng dạy, hoạt động hỗ trợ đào tạo, đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên hỗ trợ đào tạo).

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Nhà trường đã có cơ chế khuyến khích CBGV tham gia học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, tuy nhiên số CBGV đăng ký học tiến sĩ chưa nhiều vì đa số CBGV trẻ điều kiện về kinh tế gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư cũng không nhiều do những điều kiện, tiêu chuẩn mới về bài báo quốc tế trong khi khoa học Chính trị để được đăng bài là rất khó khăn. Mặt khác do tác động của bên ngoài, một số giảng viên có trình độ tiến sĩ đã xin nghỉ việc tại trường nên ảnh hưởng lớn tới tỷ lệ đội ngũ trình độ cao. Nhà trường đã có cơ chế thu hút CBGV có trình độ cao về làm việc tại trường, hiện tại chưa thu hút được cán bộ nào có trình độ cao về làm việc tại trường do CBGV có xu hướng sinh sống và làm việc tại các thành phố lớn trong cả nước. Do vậy tỷ lệ giảng viên có trình độ cao của Trường còn thấp (đạt 13,58%).

Tiêu chuẩn 6. NGƯỜI HỌC

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

tâm tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của những sinh viên có kết quả viết thu hoạch không đạt yêu cầu để có hỗ trợ về tâm lý và những giúp đỡ để những sinh viên này nắm được các quy định chung của Học viện và các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT.

6.2. Học viện cần nghiên cứu thiết kế lại hệ thống cứu hỏa nhà E6 để bảo đảm an toàn cho người học.

6.3. Phòng Công tác chính trị cần phối hợp chặt chẽ với các khoa, Đoàn thanh niên để có các biện pháp giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của sinh viên trong học tập, rèn luyện, chấp hành quy chế, quy định của Học viện. Phòng Công tác chính trị cần phối hợp cùng các khoa thực hiện đúng quy định về đánh giá kết quả rèn luyện người học theo Thông tư 16 của Bộ GD&ĐT và Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đào tạo trình độ đại học chính quy của Học viện BC&TT.

6.4. Học viện cần tạo điều kiện để cán bộ Đoàn các cấp được tham gia các khóa tập huấn, học tập để nâng cao năng lực, kinh nghiệm lãnh đạo và tổ chức các hoạt động của Đoàn Thanh niên.

6.5. Học viện cần có giải pháp thúc đảm bảo tiến độ xây dựng để có thể đưa vào sử dụng khu nhà ký túc xá A5 nhằm đáp ứng nhu cầu ở ký túc xá của người học. Học viện cần đầu tư cho khu ký túc xá để đảm bảo đủ nguồn nước sinh hoạt về mùa hè cho sinh viên và cải thiện mạng wifi khu vực ký túc xá, đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên.

6.6. Phòng Công tác chính trị cần phối hợp với Đoàn Thanh niên hằng năm khảo sát, tìm hiểu tâm tư và nguyện vọng của sinh viên để tổ chức các chuyên đề, các phong trào, báo cáo về các tấm gương tiêu biểu với các hình thức đa dạng, phù hợp lứa tuổi sinh viên qua đó tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên và nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người học để có thể giảm tỷ lệ sinh viên vi phạm quy chế, đạo đức, lối sống.

6.7. Phòng Công tác chính trị cần chủ động xây dựng các kế hoạch hoạt động tư vấn hướng nghiệp hằng năm để phối hợp chặt chẽ với các khoa, các đơn

Học viện nên tổ chức hội chợ việc làm tại khuôn viên Học viện để sinh viên có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với các nhà tuyển dụng và có thêm cơ hội tìm việc làm phù hợp. Phòng Công tác chính trị cần phối hợp chặt chẽ với các khoa trong triển khai hoạt động hỗ trợ kỹ năng thực hành nghiệp vụ cho người học thuộc các khối ngành khác nhau trong Học viện.

6.8. Phòng Công tác chính trị và Đoàn Thanh niên cần tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng các kỹ năng mềm và kỹ năng xin việc làm cho sinh viên để gia tăng tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo và tự tạo việc làm khi tốt nghiệp. Học viện cần tạo điều kiện để 100 % các đối tượng người học được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp.

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện cần chủ động xây dựng các kế hoạch hoạt động tư vấn hướng nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho người học; nên tổ chức hội chợ việc làm tại khuôn viên Học viện để sinh viên có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với các nhà tuyển dụng và có thêm cơ hội tìm việc làm phù hợp; cần tạo điều kiện để 100% các đối tượng người học được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

6.1. Căn cứ QĐ số 4239 của Giám đốc Học viện BCTT ngày 30/9/2019 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng CTCT và HTSV, Phòng có là đơn vị giúp BGĐHV thực hiện giáo dục chính trị, tư tưởng; công tác sinh viên, hỗ trợ, tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp sinh viên; công tác giáo dục lịch sử truyền thống và phụ trách công tác truyền thông của nhà trường. [H6.6.1.1]. Về nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị, Phòng CTCT và HTSV phối hợp với các đơn vị, tổ chức trong HV để nắm bắt tình hình chính trị tư tưởng của cán bộ, sinh viên, học viên; đề xuất các chủ trương, biện pháp thực hiện công tác

động đào tạo của nhà trường [H6.6.3.1] văn bản này đã được Học viện công khai rộng rãi trên Website của nhà trường và qua Sổ tay sinh viên [H6.6.3.2], [H6.6.3.3]. Định kỳ cuối mỗi kỳ học, Phòng CTCT & HTSV đều gửi thông báo về việc tổng kết kết quả rèn luyện của sinh viên tới các đơn vị có liên quan như Ban Quản lý đào tạo, các Khoa đào tạo, Đoàn thanh niên HV. Đây là căn cứ để xem xét khen thưởng, kỷ luật hàng năm cho sinh viên. Đầu mỗi năm học, Phòng CTCT & HTSV đều phối hợp với các phòng, ban chức năng, Đoàn Thanh niên HV tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa. Đây là hoạt động nhằm tuyên truyền, giáo dục sinh viên mới về truyền thống, lịch sử của nhà trường; phổ biến nội quy, quy chế đào tạo; phổ biến các văn bản có liên quan khác về chế độ chính sách, phát triển Đảng... [H6.6.3.3], [H6.6.3.4].

Phòng CTCT&HTSV thường xuyên phối hợp với Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức các cuộc thi, các hoạt động về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của Học viện... Các hoạt động trên đã nhận được sự quan tâm và tham gia đông đảo của đoàn viên, sinh viên nhà trường [H6.6.3.4]. Hàng năm, căn cứ qua kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, Phòng CTCT & HTSV đều lập danh sách sinh viên đủ điều kiện đề nghị Ban Giám đốc cấp Giấy khen. Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học, Đoàn thanh niên HV đều có Giấy khen các đoàn viên sinh viên tham gia tích cực vào phong trào thanh niên của Học viện, cũng như đề nghị khen thưởng ở các cấp cao hơn [H6.6.3.5], [H6.6.3.6].

6.4. Đoàn thanh niên Học viện luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp và sát sao từ Đảng ủy, Ban Giám đốc trong các hoạt động của mình. Tất cả các Kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên đều được xin ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện [H6.6.4.1], [H6.6.4.2], [H6.6.4.3]. Đầu năm học, theo sự chỉ đạo của Đảng ủy Học viện, Đoàn thanh niên phối hợp với Ban Quản lý đào tạo, phòng CTCT & HTSV, các Khoa đào tạo tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa. Tại đây, sinh viên mới được phổ biến nội quy, quy

thông của Học viện...[H6.6.4.4]. Đảng ủy trường giao cho Đoàn thanh niên phối hợp triển khai các hoạt động trong công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng viên mới. Học viện là một trong những trường Đại học hàng đầu về số lượng sinh viên được kết nạp Đảng trong thời gian học tập [H6.6.4.5].

	2018	2019	2020
Bồi dưỡng nhận thức về Đảng	370	385	138
Kết nạp Đảng	178	125	12

Hằng năm, Đoàn thanh niên tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến các tiêu chuẩn/tiêu chí, quy trình kết nạp đảng tới toàn thể các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc. Cán bộ Đoàn Học viện luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, Ban Giám đốc khi tạo điều kiện cho tham gia các buổi tập huấn nghiệp vụ công tác đoàn, các buổi tọa đàm khoa học về đoàn viên sinh viên... tại Học viện hay ngoài học viện [H6.6.4.6].

+ Về nghiệp vụ công tác đoàn: định kỳ 01 buổi tập huấn/ năm học cho cán bộ đoàn chủ chốt.

+ Về các buổi tọa đàm khoa học sinh viên: trung bình 5-10 buổi/ năm học

6.5. Học viện đã đảm bảo tiến độ xây dựng để có thể đưa vào sử dụng khu nhà ký túc xá A5 nhằm đáp ứng nhu cầu ở ký túc xá của 1200 người học. Học viện đã đầu tư cho khu ký túc xá để đảm bảo đủ nguồn nước sinh hoạt về mùa hè cho sinh viên và cải thiện mạng wifi tín hiệu rất ổn định với tốc độ cao ở khu vực ký túc xá, đáp ứng yêu cầu sinh viên học online và truy cập thông tin phục vụ học tập của sinh viên [H6.6.5.1], [H6.6.5.2], [H6.6.5.3], [H6.6.5.4].

6.6. Đoàn thanh niên Học viện đã xây dựng được kế hoạch hoạt động, hướng tới đảm bảo cân đối các hoạt động từ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tới các tọa đàm, hội thảo khoa học, tập huấn bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên. Nhiều hoạt động của Đoàn thanh niên Học viện đã tạo thành thương hiệu và được ghi nhận trong hệ thống các trường Đại học như Welcome to AJC, SPEAK UP, PRESS BEAUTY, Phút cuối, Halloween, Mùa hè xanh, Mùa đông

thanh niên Học viện đã thu hút sự tham gia đông đảo của đoàn viên, sinh viên được Đảng ủy, Ban Giám đốc ghi nhận. 100% sinh viên Học viện không vi phạm chính sách, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H6.6.6.2], [H6.6.6.3]. Năm học 2017 - 2018, Giám đốc Học viện đã tặng giấy khen cho 04 tập thể Lớp sinh viên xuất sắc, 02 Tập thể Lớp sinh viên Tiên tiến, 20 sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc, 268 sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Giỏi... Năm học 2018 - 2019, Giám đốc Học viện đã tặng giấy khen cho 01 tập thể lớp đạt danh hiệu Lớp sinh viên Xuất sắc, 03 Tập thể lớp đạt danh hiệu Lớp sinh viên Tiên tiến, 23 sinh viên đạt danh hiệu Sinh viên Xuất sắc, 231 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi... [H6.6.6.4], [H6.6.6.5].

6.7. Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn, phòng CTCT & HTSV là đầu mối tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, việc làm cho sinh viên Học viện [H6.6.7.1]. Hàng năm, Học viện tạo điều kiện cho sinh viên năm thứ ba và thứ tư được kiến tập và thực tập nghề nghiệp tại các cơ quan, đơn vị có liên quan đến chuyên ngành đang theo học [H6.6.7.2]. Từ 2018 tới nay, Học viện đã chú trọng hơn tới việc tổ chức các hoạt động liên quan đến tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên. Kể đến như Ngày hội tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp AJC open day vào các năm 2019, 2020 được tổ chức tại Học viện. Tham gia nhiều hơn các hoạt động tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp được tổ chức trên địa bàn Hà Nội. Đây là cơ hội để Học viện quảng bá hình ảnh tới người đang có nguyện vọng theo học tại nhà trường [H6.6.7.3]. Học viện đã mở module riêng cho các bạn đoàn viên sinh viên trên Website Học viện: Sinh viên khởi nghiệp. Đây là kênh để các bạn đoàn viên sinh viên được tiếp cận với các thông tin liên quan đến hoạt động tuyển dụng của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp [H6.6.7.4]. Định kỳ hàng năm, Học viện đã triển khai khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp. Đây là căn cứ để Học viện có sự điều chỉnh về chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thị trường lao động [H6.6.7.5].

bồi dưỡng các kỹ năng mềm và kỹ năng xin việc làm cho sinh viên để gia tăng tỷ lệ có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo và tự tạo việc làm khi tốt nghiệp. Học viện cần tạo điều kiện để 100 % các đối tượng người học được tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện trước khi tốt nghiệp. Từ năm 2017 đến nay, nhà trường đã thực hiện khảo sát và thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm theo từng ngành đào tạo tốt nghiệp sau 1 năm ra trường. Tuy nhiên, tỷ lệ phản hồi của cựu sinh viên chỉ đạt khoảng 90%. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm: Năm 2018, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt 90.8%; Năm 2019, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt 93.6% [H6.6.8.1].

Các đơn vị trong Học viện (các Khoa đào tạo, Đoàn thanh niên) đã chủ động tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho đoàn viên, sinh viên dưới nhiều hình thức như thông tin khoa học, hội thảo khoa học, các cuộc thi, tìm hiểu...nhận được sự hưởng ứng của đông đảo đoàn viên sinh viên [H6.6.8.2], [H6.6.8.3].

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

6.2. Học viện đã nghiên cứu thiết kế lại hệ thống cứu hỏa nhà E6 để đảm bảo an toàn cho người học, tuy nhiên còn vướng các thủ tục như: Hợp đồng về phòng cháy chữa cháy nhà E6 chưa có do công tác phòng cháy chữa cháy phải liên hệ với Sở phòng cháy chữa cháy Hà Nội. Sở cũng chính là đơn vị chủ trì, triển khai, lập thiết kế và nghiệm thu; Biên bản thẩm định phải được Sở Phòng cháy chữa cháy Hà nội cấp; Kế hoạch thực hiện: Do kinh phí triển khai lớn và phải được sự chấp thuận của cấp quyết định đầu tư [H6.6.5.3]. Nhà trường chưa kết nối được nhiều doanh nghiệp tham gia trong quá trình đào tạo do Trường chưa xây dựng cơ chế hợp tác doanh nghiệp, chưa khai thác được thế mạnh của Hội cựu sinh viên trong việc gắn kết, giới thiệu các doanh nghiệp về kết nối với nhà trường.

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

7.1. Học viện cần kịp thời xây dựng kế hoạch KHCCN trung hạn (5 năm) có lộ trình và các giải pháp huy động các nguồn lực để hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược khoa học của Học viện.

7.2. Học viện cần thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh theo từng lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện để tham gia đấu thầu các đề tài/dự án thuộc chương trình khoa học công nghệ quốc gia; đồng thời phối hợp với các đối tác nước ngoài để khai thác các dự án/chương trình tài trợ thuộc lĩnh vực truyền thông.

7.3. Học viện nên có chính sách khuyến khích và hỗ trợ về kinh phí và thời gian để động viên CBGV học nâng cao năng lực ngoại ngữ để nâng cao năng lực tham gia các nghiên cứu hợp tác quốc tế và công bố trên các Tạp chí Quốc tế có uy tín.

7.4. Học viện nên khai thác các mối quan hệ học thuật của các khoa, các CBGV trong Học viện với các đối tác có tiềm lực khoa học mạnh để cùng phối hợp thành các nhóm NCKH để khai thác các nhu cầu/các vấn đề của các địa phương, các doanh nghiệp để xây dựng các NCKH đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

7.5. Học viện cần đảm bảo cân đối các khoản chi trong việc đầu tư phát triển tiềm lực KHCCN, đồng thời đảm bảo trích đủ tỷ lệ chi cho hoạt động NCKH của sinh viên theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Học viện cần xây dựng các nhóm nghiên cứu

7.6. Học viện cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh có sự phối hợp với các cơ sở ngoài Học viện nhằm tìm kiếm các đề tài, dự án nghiên cứu đặt hàng của Nhà nước, của các đơn vị, địa phương cũng như của quốc tế. Học viện cần có cơ chế khuyến khích cán bộ giảng viên liên kết với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trong NCKH và đăng tải các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học có uy tín. Học viện cần có các hình thức tuyên truyền, phổ biến Luật sở hữu trí tuệ rộng rãi trong người học thông qua các phong trào, các sự

các địa phương và nhà khoa học thực hiện Quyết định phê duyệt dự án “Đánh giá chất lượng nguồn lao động, tình hình sử dụng, phân công lao động nông thôn ở An Giang” [H7.7.4.3], [H7.7.4.5]. Ngoài ra Khoa Phát thanh Truyền hình còn thỏa thuận hợp tác với Viện tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi (CISDOMA) [H7.7.4.5]. Tham gia dự án “Khảo sát xu hướng việc làm của sinh viên Việt Nam sau tốt nghiệp – MOTIVE”.

7.5. Theo tinh thần Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Học viện đã phân bổ Kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm đã tăng dần: Năm 2018: 5.359.550.000 VNĐ, Năm 2019: 6.912.550.000 VNĐ, Năm 2020: 7.184.200.000 VNĐ [H7.7.5.1], [H7.7.5.2]. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu KH sinh viên tăng dần: Tỷ lệ chi cho hoạt động NCKH sinh viên so với tổng chi NCKH: 2018 (3,87%); 2019 (12,1%); 2020 (15,9%) [H7.7.5.3]. Học viện đã ứng dụng phần mềm quản lý vào hoạt động khoa học của nhà trường. Kết hợp với các hình thức phổ biến trên trang web của nhà trường Luật sở hữu trí tuệ đến rộng rãi trong người học; đồng thời hướng dẫn CBVC, giảng viên trong việc đăng ký sở hữu, đăng ký bản quyền kết quả NCKH.

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Số các đề tài, dự án KH-CN có khả năng CGCN, thương mại hóa chưa nhiều do năng lực của đội ngũ giảng viên chưa cao (số lượng cán bộ có trình độ cao ít), tài chính đầu tư cho công tác KH-CN còn hạn hẹp, chưa khảo sát được nhu cầu thực tế tại nhiều địa phương, doanh nghiệp do đó sản phẩm của đề tài mới chỉ đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong trường, chưa đáp ứng được các nhu cầu chuyển giao công nghệ tại địa phương và doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn 8. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

8.1. Học viện cần cập nhật, tham chiếu các văn bản quản lý về HTQT như Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và Thông tư số 03/2014/TT-

học tập tại Việt Nam để hoàn thiện quy chế quản lý hoạt động HTQT của Học viện.

8.2. Học viện cần có các hình thức tuyên truyền, phổ biến các quy định về HTQT của Học viện tới các CBGV, nhân viên và người học; đối với lưu học sinh, Học viện nên nghiên cứu hình thức phổ biến các quy định HTQT nói chung và các văn bản liên quan đến lưu học sinh bằng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) để lưu học sinh nắm bắt đầy đủ hơn các quy định và những hỗ trợ của Học viện đối với lưu học sinh để yên tâm học tập tại Học viện. -

8.3. Học viện nên nghiên cứu để phát triển chiến lược HTQT về lý luận chính trị, đồng thời mở rộng quan hệ HTQT với đa dạng các đối tác để khai thác thêm các nguồn lưu học sinh nước ngoài vào học tại Học viện, đặc biệt là lưu học sinh các nước trong khối ASEAN và sinh viên của Học viện sang học tại khuôn viên của các đối tác nước ngoài nhằm nâng cao vị thế HTQT của Học viện với các đối tác và gia tăng các nguồn thu hợp pháp cho Học viện.

8.4. Học viện nên thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh gồm những CBGV đã học tập ở nước ngoài và phối hợp với các nhà khoa học trong và ngoài Học viện để tham gia khai thác và đấu thầu các đề tài/dự án quốc tế về các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện. Học viện cần có cơ chế và các chế độ khuyến khích về thời gian và kinh phí để CBGV có điều kiện học nâng cao và duy trì năng lực ngoại ngữ để có thể tham gia hoạt động HTQT và có thêm nhiều bài báo công bố chung với các đối tác nước ngoài.

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện nên nghiên cứu để phát triển chiến lược hợp tác quốc tế về lý luận chính trị, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế đa dạng với các đối tác để khai thác thêm các nguồn lưu học sinh nước ngoài vào học tại Học viện, đặc biệt là lưu học sinh các nước trong khối ASEAN và sinh viên của Học viện sang học tại các trường đối tác nước ngoài nhằm nâng cao vị thế hợp tác quốc tế của Học viện với các đối tác và gia tăng các nguồn thu hợp pháp cho Học viện và có thêm nhiều bài báo công bố chung với các đối tác nước ngoài.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực

8.1. Căn cứ vào chính sách, chủ trương, chiến lược được vạch rõ, hoạt động Hợp tác quốc tế của Học viện từ năm 2018 đến nay được thực hiện theo định hướng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đã góp phần nâng cao năng lực cán bộ, giảng viên từ đó tạo động lực phát triển các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện [H8.8.1.1], [H8.8.1.4], [H8.8.1.5]. Vận dụng Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh để đảm bảo và nâng cao chất lượng quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế [H8.8.1.1], [H8.8.1.2], [H8.8.1.3]. Các hoạt động đoàn ra, đoàn vào thực hiện đúng theo kế hoạch; Các đề án, dự án quốc tế được xây dựng và triển khai đúng cam kết với đối tác; Các lớp Bồi dưỡng cho cán bộ báo chí Lào thực hiện hàng năm; Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác Trung Quốc trong lĩnh vực lý luận chính trị; Quản lý LHS Lào chặt chẽ, đúng quy định... là các hoạt động hợp tác mà Học viện đã và đang tiến hành từ năm 2018 trở lại đây. Tiếp tục ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác quốc tế (Cộng hòa Áo, Vương Quốc Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc...) để từ đó làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác lâu dài của Học viện với các đối tác [H8.8.1.6], [H8.8.1.7]. Chương trình Cử nhân quốc tế triển khai tốt đúng quy định, hàng năm tuyển sinh và đào tạo trên dưới 20 sinh viên/khóa. Các hoạt động đoàn ra, đoàn vào thực hiện đúng theo kế hoạch:

+ Năm 2018, Học viện đã tổ chức 12 đoàn ra và 29 đoàn vào.

+ Năm 2019, Học viện đã tổ chức 04 đoàn ra và 19 đoàn vào.

Các đề án, dự án quốc tế được xây dựng và triển khai đúng cam kết với đối tác:

Năm 2018: triển khai 02 đề án, 01 đề tài nghiên cứu quốc tế và 01 Hội thảo khoa học quốc tế: Đề án Hỗ trợ HVBCCTT nâng cao năng lực thực thi chính sách của chính phủ do KOICA tài trợ: đưa 20 cán bộ, giảng viên của Học viện đi nghiên cứu về truyền thông chính sách tại ĐH Korea; Đề án Nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu quản trị công của Học viện hợp tác với ĐH Minh Trị (Nhật Bản); Đề tài nghiên cứu quốc tế Năng lực truyền thông như năng lực thúc

sách và năng lực tiếp nhận của công chúng.

Năm 2019, 01 Hội thảo quốc tế, 01 Đề tài và dự án quốc tế: Hội thảo quốc tế: Công nghệ truyền thông chính sách trong kỷ nguyên 4.0; Đề tài nghiên cứu quốc tế: Năng lực truyền thông như năng lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội; Dự án Khảo sát xu hướng việc làm của sinh viên tốt nghiệp Việt Nam (MOTIVE); Các lớp Bồi dưỡng cho cán bộ báo chí Lào thực hiện hàng năm: Tổ chức lớp Bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí - truyền thông của CHDCND Lào cho 20 cán bộ trong 02 tháng tại Học viện CTQGHCM và HVBCCT năm 2019. Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác Trung Quốc trong lĩnh vực lý luận chính trị. Ký Biên bản ghi nhớ với Trường Đảng Thành phố Thiên Tân và Trường Đảng Trùng Khánh (Trung Quốc) năm 2018. Quản lý LHS Lào chặt chẽ, đúng quy định... là các hoạt động hợp tác mà Học viện đã và đang tiến hành từ năm 2018 trở lại đây. Tiếp tục ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với các đối tác quốc tế (CH Áo, Vương Quốc Anh, Trung Quốc, Hàn Quốc...) để từ đó làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác lâu dài của Học viện với các đối tác. Năm 2018: 3 Biên bản ghi nhớ hợp tác. Năm 2019: 5 Biên bản ghi nhớ hợp tác.

8.2. Đối với lưu học sinh Lào, Học viện quản lý trên cơ sở “Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền” [H8.8.2.1]. Học viện đã xây dựng, dự thảo và tổ chức góp ý Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25/2/2014 của Bộ GD&ĐT. Dự kiến sẽ ban hành Quy chế nói trên vào tháng T10/2020 [H8.8.2.2]. Lưu học sinh được các Khoa, phòng ban chức năng trong Học viện đặc biệt quan tâm. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp Lưu học sinh trong thời gian học tập và sinh sống tại Việt Nam là Ban Hợp tác quốc tế. Các Khoa và phòng ban chức năng khác phối hợp với Ban Hợp tác quốc tế để cùng quản lý Lưu học sinh theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình [H8.8.2.3]. Trung bình mỗi năm học, Học viện

sinh học tập tại Học viện.

8.3. Học viện đã giao Ban Hợp tác quốc tế chủ trì trong việc xây dựng hình ảnh Học viện như một đối tác có trách nhiệm, đáng tin cậy, nơi thu hút các chuyên gia quốc tế có uy tín đến giảng dạy và trao đổi học thuật. Học viện mở rộng quan hệ với các đối tác quốc tế; duy trì và đẩy mạnh các chương trình liên kết đào tạo quốc tế phù hợp với thế mạnh và định hướng phát triển Học viện. Từ năm 2018 đến nay Học viện đã tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác Trung Quốc nhằm đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị. Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác với Trường Đảng Thành ủy Thiên Tân, Trường Đảng Trùng Khánh, Đại học Quảng Tây Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc bằng việc ký biên bản ghi nhớ hợp tác và tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế có nhiều bên tham gia [H8.8.3.3]. Trong thời gian tới tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác mảng lý luận chính trị theo cả chiều rộng và chiều sâu [H8.8.3.1], [H8.8.3.2]. Các hoạt động hợp tác quốc tế khác như đoàn ra, đoàn vào, đề án, dự án quốc tế tiếp tục thực hiện theo đúng quy định và kế hoạch. Kế hoạch thực hiện HTQT với các đối tác nước ngoài năm sau được xây dựng và trình phê duyệt từ cuối năm trước và thực hiện trên cơ sở đã được cấp trên phê duyệt.

8.4. Để tham gia khai thác và đấu thầu các đề tài/dự án quốc tế về các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Học viện. Học viện đã ban hành QĐ số 6527 ngày 31/12/2018 về Quy định tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh [H8.8.4.1]. Văn bản Quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh đã làm rõ được khái niệm về nhóm nghiên cứu mạnh, các tiêu chí để thành lập nhóm, trách nhiệm và quyền lợi của nhóm trong hoạt động nghiên cứu khoa học...

Tháng 3 năm 2019, Học viện đã thành lập Hội đồng tư vấn xét chọn Nhóm nghiên cứu mạnh để nghiên cứu và đánh giá việc thành lập 04 nhóm nghiên cứu mạnh [H8.8.4.2] gồm: Lý luận chính trị; Công tác tư tưởng của Đảng; Truyền thông chính sách; Triết học Mác – Lênin. Tháng 4 năm 2019, Học

[H8.8.4.3]. Các nhóm NCM này hoạt động từ tháng 4 năm 2019 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021. Nhóm hoạt động theo Quy định về tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh đã được Học viện BC&TT ban hành ngày 31/12/2018.

4. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Quản lý Lưu học sinh Lào trên cơ sở “Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền”, do vậy Học viện đã xây dựng, dự thảo và tổ chức góp ý Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25/2/2014 của Bộ GD&ĐT. Dự kiến sẽ ban hành Quy chế nói trên vào cuối T9/2020.

Tiêu chuẩn 9. THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

9.1. Học viện cần thực hiện biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư 04/2011/TT-BGDĐT ngày 28/1/2011 của Bộ GD&ĐT.

9.2. Học viện cần rà soát toàn bộ giáo trình trong Thư viện để bảo đảm sự phù hợp giữa giáo trình quy định trong đề cương chi tiết học phần với giáo trình trong Thư viện; đồng thời cần tăng kinh phí để cập nhật những giáo trình mới, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và xã hội.

9.3. Học viện cần nghiên cứu, sắp xếp bố trí phòng học để có thể tăng số phòng dành cho sinh viên tự học vào ban ngày.

9.4. Học viện cần nghiên cứu, thiết kế nội dung phiếu khảo sát người học để có được những câu hỏi có thể thu thập được các thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng hệ thống các phòng học, phòng thực hành, thư viện v.v...

9.5. Học viện cần thanh lý các máy tính cũ và thay thế bằng các máy tính mới; kịp thời có giải pháp nâng cao tốc độ đường truyền internet.

9.6. Học viện nên nghiên cứu để có thể đầu tư mua sắm thêm các phần mềm sử dụng trong giảng dạy, học tập và NCKH.

dựng khu ký túc xá 12 tầng theo quy hoạch để đáp ứng đầy đủ hơn nhu cầu của người học có nguyện vọng được ở trong khu ký túc xá của Học viện.

9.8. Học viện cần phối hợp với các cơ quan chức năng để sớm triển khai thực hiện Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 9/3/2018 của UBND Tp. Hà Nội nhằm thực hiện chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050. Học viện cần tìm giải pháp để có thể mở rộng diện tích theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN3981-85

9.9. Học viện cần tiến hành trình hồ sơ thiết kế, hồ sơ thẩm duyệt để được nghiệm thu tổng thể về PCCC tòa nhà A1. Học viện cần tiến hành kiểm định các bình chữa cháy, thường xuyên kiểm tra để thay thế các bình chữa cháy đã hết hạn sử dụng. Học viện cần thực hiện đầy đủ các kiến nghị sau đợt kiểm tra về PCCC của cơ quan cảnh sát PCCC

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện cần thực hiện biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục đại học và rà soát toàn bộ giáo trình trong Thư viện để bảo đảm sự phù hợp giữa giáo trình quy định trong đề cương chi tiết học phần với giáo trình trong Thư viện; đồng thời cần tăng kinh phí để cập nhật những giáo trình mới. Học viện cần tìm giải pháp để có thể mở rộng diện tích Học viện theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN3981-85.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

9.1. Theo quy định tại Thông tư 04/2011/TT-BGDĐT ngày 28/1/2011 của Bộ GD&ĐT, Học viện đã giao 61 đề tài là giáo trình và đã tiến hành biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng 34 giáo trình giáo dục đại học, năm 2020 tiếp tục thẩm định và đưa vào sử dụng những đề tài là giáo trình còn lại [H9.9.1.1]. Tổng kinh phí giành cho các đề tài là giáo trình là gần 2 tỉ đồng [H9.9.1.2].

9.2. Bắt đầu từ năm 2018, Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện đã phối hợp chặt chẽ với các khoa, các giảng viên để rà soát toàn bộ giáo trình

tiết học phần với giáo trình trong Thư viện [H9.9.2.1]; Hàng năm, Học viện đã lập kế hoạch dự trù kinh phí bổ sung đầy đủ các giáo trình mới theo chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của sử dụng giáo trình tài liệu trong học tập và nghiên cứu [H9.9.2.2]. Bên cạnh đó, Học viện đã đánh giá hàng năm về nhu cầu và hiệu quả sử dụng giáo trình của người học [H9.9.2.3], [H9.9.2.4], [H9.9.2.5].

9.3. Học viện đã nghiên cứu, sắp xếp bố trí 86 phòng học với tổng diện tích sàn 11.957,9 m² để có thể tăng số phòng dành cho sinh viên tự học vào ban ngày. Đảm bảo đủ phòng đủ phòng học, phòng thực hành, thư viện phục vụ học tập. Tại thư viện: có 4 phòng, diện tích sàn: 630.72m². Tại Ký túc xá có 286 phòng tương đương tổng diện tích sàn là 13.135,73 m². Có diện tích hệ thống sân bãi: 21.574.23 m² (bao gồm: nhà xe, khu tổ hợp bóng đá, nhà thi đấu cầu lông...). Nhà trường đã trang bị 19 phòng thực hành với diện tích sàn xây dựng là 945.16m². Mức độ hài lòng của sinh viên về cơ sở vật chất nhà trường (Năm 2018: 78.18%; Năm 2019: 77.9%) [H9.9.3.1], [H9.9.3.2].

9.4. Học viện đã nghiên cứu, thiết kế nội dung phiếu khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo được định kỳ bổ sung, cập nhật nội dung khảo sát từ đó thu thập được các thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến chất lượng đáp ứng yêu cầu như: hệ thống các phòng học, phòng thực hành, thư viện v.v...được định kỳ bổ sung, nâng cấp [H9.9.4.1], [H9.9.4.2]. Nội dung khảo sát về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo gồm 12 câu hỏi đầy đủ những nội dung theo khuyến nghị đưa ra [H9.9.4.2], [H9.9.4.3].

9.5. Học viện đã tiến hành thanh lý các máy tính cũ và thay thế bằng các máy tính mới 01 lần/năm [H9.9.5.1], [H9.9.5.2], [H9.9.5.3]; hàng năm đều nâng cấp mạng internet để đảm bảo đường truyền ổn định phục vụ công tác dạy và học.

9.6. Học viện đã đầu tư và đưa vào sử dụng phần mềm Quản lý tài sản năm 2019 [H9.9.6.1], [H9.9.6.2] đã góp phần hiện đại hóa quy trình quản trị của nhà trường theo hướng nhanh gọn và đảm bảo yếu tố tích hợp và liên thông cao.

9.7. Học viện đã phối hợp với các đơn vị chức năng để tiến hành xây dựng khu ký túc xá 12 tầng theo quy hoạch hiện nay đã nghiệm thi xây lắp và

hơn nhu cầu của người học có nguyện vọng được ở trong khu ký túc xá của Học viện [H9.9.7.1], [H9.9.7.2], [H9.9.7.3], [H9.9.7.4].

9.8. Học viện đã phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai thực hiện Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 9/3/2018 của UBND Tp. Hà Nội nhằm thực hiện chiến lược phát triển Học viện đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050. Học viện cần tìm giải pháp để có thể mở rộng diện tích theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN3981-85: Học viện đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc TP Hà Nội xét duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 năm 2019 [H9.9.8.1], [H9.9.8.2].

9.9. Học viện đã tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy tòa nhà A1, A3, A4 của Học viện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật cũng như quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy [H9.9.9.1], [H9.9.9.2].

3. Phân tích nguyên nhân những tồn tại chưa khắc phục được

Số lượng tài liệu ngoại văn được bổ sung còn hạn chế do chi phí lớn, nhu cầu đọc của CBGV và SV tại thư viện không nhiều vì người học có thể tham khảo tài liệu điện tử qua môi trường Internet.

Tiêu chuẩn 10. TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài

10.1. Học viện cần sớm xây dựng Đề án tự chủ tài chính giai đoạn 2020-2025; cần ban hành chiến lược phát triển tài chính kèm theo lộ trình kế hoạch trung hạn, dài hạn phát triển các nguồn thu hợp pháp với các giải pháp để gia tăng các nguồn thu từ hoạt động NCKH-CGCN khai thác từ doanh nghiệp, hoạt động xã hội, tài trợ và HTQT.

10.2. Học viện cần rà soát, đánh giá các nguồn thu hợp pháp hằng năm; khảo sát các đơn vị trong Học viện về mức độ đáp ứng của tài chính đối với công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Nhà trường.

Học viện cần xây dựng cơ chế rõ ràng về tỷ lệ trích các nguồn thu hợp pháp của các đơn vị cấp 3 cho Học viện; cần có các giải pháp hữu hiệu để khai thác hiệu quả các nguồn thu hợp pháp khác.

tài chính của Học viện. Học viện cần đổi mới và chuẩn hóa các biểu mẫu về kế hoạch – tài chính; cần định kỳ hằng năm tổ chức Hội nghị tài chính cho các đơn vị thuộc Học viện; khảo sát hoặc phỏng vấn CBGV và các đơn vị trong Học viện về công tác lập kế hoạch và dự toán làm cơ sở để cải thiện công tác lập kế hoạch tài chính hằng năm ở các bộ phận, các đơn vị thuộc Học viện. Đặc biệt, Học viện cần kịp thời tổ chức công tác tự kiểm tra kế toán theo khuyến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

10.4. Học viện cần đảm bảo phân bổ tài chính hợp lý để trích đủ 5% từ nguồn thu hợp pháp cho hoạt động phát triển tiềm lực NCKH, đặc biệt là phần kinh phí trực tiếp cho CBGV làm NCKH và trích đủ 3% từ nguồn thu học phí, lệ phí cho hoạt động NCKH của người học và 8% từ nguồn thu học phí chính quy cho học bổng khuyến khích học tập của người học.

10.5. Học viện cần đầu tư lớn hơn cho cơ sở vật chất, mở rộng phòng học, thư viện, học liệu ; đồng thời cần có mức hỗ trợ kinh phí hợp lý hơn để khuyến khích CBGV có công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI. Học viện cần cân đối điều hòa việc giảng dạy vượt giờ giữa các giảng viên để đảm bảo khối lượng vượt giờ nằm trong mức được phép.

2. Khuyến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục

Học viện cần đánh giá, phân tích hiệu quả phân bổ tài chính để bảo đảm phân bổ tài chính hợp lý cho nghiên cứu khoa học, học bổng khuyến khích học tập cho người học và đầu tư lớn hơn cho cơ sở vật chất, mở rộng phòng học, bổ sung tài liệu cho thư viện, cần có mức hỗ trợ kinh phí hợp lý hơn để khuyến khích cán bộ, giảng viên có công bố khoa học trên các tạp chí thuộc danh mục ISI.

3. Mô tả những hoạt động cải tiến chất lượng giáo dục đã được thực hiện theo khuyến nghị

Những năm qua, nhà trường đã sử dụng quản lý tài chính theo đúng quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản chế độ tài chính hiện hành; thực hiện hạch toán đúng đối tượng, tính chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, được kiểm toán nhà nước kết luận khi kiểm toán nhà trường năm 2017 [H10.10.1.2].

tự chủ giai đoạn 2020 - 2022 để trình Bộ Tài chính và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thẩm định và phê duyệt [H10.10.1.1].

10.2. Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của người học luôn được quan tâm và đáp ứng theo nhu cầu thực tế. Kinh phí chi cho học bổng khuyến khích học tập trong các năm 2017, 2018 đều trên 8% nguồn thu học phí hệ chính quy, thực hiện đúng quy định của Nhà nước [H10.10.2.2]. Học viện đã có thống kê, đánh giá về vấn đề phân bổ kinh phí cho các mặt hoạt động [H10.10.2.3]. Học viện đã định kỳ thực hiện hoạt động rà soát và đánh giá các nguồn thu 6 tháng/lần [H10.10.2.1].

10.3. Việc xây dựng kế hoạch tài chính đã chuẩn hóa và triển khai theo Luật dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm, đã có các biểu mẫu theo quy định của Bộ Tài chính và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [H10.10.3.1]. Học viện xây dựng dự toán hàng năm trên cơ sở các đơn vị đưa lên. Học viện đã thông báo đến các đơn vị về việc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ tài chính để làm cơ sở xây dựng dự toán để phân bổ kinh phí [H10.10.3.2]. Học viện chủ động từng bước nâng cao công tác tự kiểm tra tài chính - kế toán [H10.10.3.3]. Định kỳ mỗi năm, Học viện đều triển khai hoạt động xin ý kiến góp ý vào Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H10.10.3.4].

10.4. Học viện đã thực hiện phân bổ tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm từ nguồn thu sự nghiệp từ 4-5% [H10.10.4.1]. Trong đó, nâng tỷ lệ phân bổ nguồn lực cho nghiên cứu khoa học sinh viên thêm 1% so với trước. Học bổng khuyến khích người học theo đúng quy định của Nhà nước, đúng đối tượng, định mức và tỷ lệ [H10.10.4.2].

10.5. Hàng năm, Học viện đều ưu tiên đầu tư cho cơ sở vật chất, mở rộng phòng học từ ngân sách Nhà nước và nguồn thu sự nghiệp của đơn vị. Kinh phí dự toán mua sắm tài sản cố định hàng năm của Học viện là hơn 2 tỷ đồng. Tổng kinh phí cho hoạt động cải tạo, nâng cấp các tòa nhà A3, A4: 14 tỷ 899 triệu đồng [H10.10.5.1]. Tổng kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà B11: hơn 4 tỷ 900 triệu đồng. Học viện đã từng bước bố trí kinh phí khuyến khích giảng viên công bố

Nhà trường đã đối chiếu thực trạng với các Tiêu chuẩn/Tiêu chí được ban hành tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Qua đó, nhà trường đã xác định các nội dung cần cải tiến trong nửa chu kỳ tiếp theo, cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn/tiêu chí cần cải tiến chất lượng	Nội dung hoạt động cần cải tiến	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	
		Chính	Phối hợp	Bắt đầu	Hoàn thành
Tiêu chuẩn 1: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa					
1. Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	Tô chức lấy ý kiến rộng rãi của người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng, CBGV, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khi điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn.	Hội đồng trường	BAN TCCB, CTCT&HTSV, VP Đảng - ĐT	01/2021	2022
2. Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.	Gắn các bảng/biển thông báo trong khuôn viên của CSGD có phát biểu về giá trị cốt lõi/ triết lý giáo dục/chính sách chất lượng của CSGD	CTCT& HTSV	QT-KTX BAN QLĐT	05/2020	09/2020
3. Tiêu chí 1.3: Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ	Xây dựng kế hoạch hành động, truyền thông, phổ	Ban truyền thông	TT KT&KĐCLĐT	05/2020	09/2020

phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.	sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của CSGD	HTSV)			
4. Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	Tiếp tục rà soát tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD	Hội đồng trường	CTCT&HTSV BAN TCCB BAN QLĐT TT KT& KĐCLĐT	01/2021	2022
5. Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	- Xây dựng và ban hành văn bản quy định về quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá của nhà trường. - Cập nhật, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của nhà trường vào trong sổ tay sinh viên và sổ tay ĐBCL	Hội đồng trường	Đảng ủy, BGD, CTCT&HTSV TT KT & KĐCL	05/2020	12/2020
Tiêu chuẩn 2: Quản trị					
1. Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao	Ban hành văn bản quy định trách	Hội đồng trường	Đảng ủy, BGD, CTCT&HTSV	05/2020	12/2020

<p>trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.</p>	<p>tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn.</p>		<p>KĐCL</p>		
<p>2. Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định</p>	<p>Ban hành văn bản quy định trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn</p>	<p>Hội đồng trường VP Đảng - ĐT</p>	<p>Ban Giám đốc</p>	<p>05/2020</p>	<p>12/2020</p>

<p>phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.</p>	<p>tư vấn.</p>				
<p>3. Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.</p>	<p>Xây dựng chương trình công tác của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên gắn với việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi.</p>	<p>VP Đảng - ĐT</p>	<p>BTV Công đoàn Học viện; BTV ĐTN Học viện</p>	<p>06/2020</p>	<p>09/2020</p>
<p>4. Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.</p>	<p>Định kỳ rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị</p>	<p>Hội đồng trường Ban Giám đốc</p>	<p>BAN TCCB</p>	<p>Thường xuyên</p>	<p>Thường xuyên</p>
<p>5. Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của</p>	<p>Tổ chức đánh giá và báo cáo kết quả</p>	<p>Hội đồng trường</p>	<p>VP Đảng - ĐT</p>	<p>2020</p>	<p>2020</p>

<p>cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.</p>	<p>hệ thống quản trị giúp nhà trường giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động và quản lý</p>	<p>Giám đốc</p>			
<p>Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý</p>					
<p>1. Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.</p>	<p>Rà soát quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường để phù hợp với Luật Giáo dục đại học sửa đổi có hiệu lực từ 07/2019- Hoàn thiện đề án vị trí việc làm</p>	<p>BAN TCCB</p>	<p>Ban Giám đốc</p>	<p>05/2020</p>	<p>12/2020</p>
<p>2. Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.</p>	<p>Ban hành văn bản chỉ đạo việc tuyên truyền để định hướng về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD.</p>	<p>Ban truyền thông (CTCT& HTSV)</p>	<p>Ban Giám đốc</p>	<p>05/2020</p>	<p>09/2020</p>

<p>hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.</p>	<p>hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch dài hạn của CSGD trên Trang thông tin điện tử nhà trường</p>	<p>Ban truyền thông (CTCT&HTSV)</p>	<p>Hội đồng trường</p>	<p>05/2020</p>	<p>07/2020</p>
<p>3. Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.</p>	<p>Xây dựng các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính (về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng).</p> <p>- Thực hiện giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số/chỉ báo thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính so với các mục tiêu chiến lược</p>	<p>Hội đồng trường, Ban Giám đốc</p>	<p>BAN TCCB; PHÒNG QT&KTX; PHÒNG KHTC; BAN QLĐT; BAN QLKH; CTCT&HTSV</p>	<p>05/2020</p>	<p>12/2020</p>
<p>4. Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến</p>	<p>Tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo đánh giá của CSGD về việc thực hiện các kế hoạch chiến lược</p>	<p>Hội đồng trường Ban Giám đốc</p>	<p>Các đơn vị trong toàn trường</p>	<p>02/2021</p>	<p>06/2021</p>

mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.					
Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng					
1. Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	Kiện toàn Ban chế độ chính sách của Nhà trường để các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	BAN TCCB	Ban Giám đốc, BAN QLĐT, BAN QLKH; BAN HTQT, TTKT&KĐCLC TCT&HTSV, Các khoa/viện	03/2020	12/2022
2. Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.	Ban hành các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Ban hành hệ thống văn bản phổ biến, thực hiện và giám sát các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	BAN QLĐT, BAN BAN QLKH	Ban Giám đốc, BAN TCCB, BAN THANH TRA, BAN HTQT, TTKT&KĐCLC TCT&HTSV, Các khoa/viện	04/2020	12/2022
3. Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.	Tiếp tục tăng cường công tác rà soát thường xuyên các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát	BAN TCCB	Ban Giám đốc, BAN THANH TRA, BAN HTQT, TTKT&KĐCLC TCT&HTSV, Các khoa/viện	03/2020	12/2022

	quy định Khuyến khích, tăng cường đầu tư cho người học nghiên cứu khoa học.				
4. Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	Xây dựng kế hoạch chiến lược tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao tri thức, công nghệ.	BAN TCCB	Ban Giám đốc, BAN THANH TRA, BAN HTQT, TTKT&KĐCLC TCT&HTSV, Các khoa/viện	03/2020	12/2022
Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực					
1. Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	Rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị trong CSGD	BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	Đang thực hiện	Tháng 9/2020
2. Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do		BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	Đang thực hiện	tháng 12/2020

	và sau khi triển khai các hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ				
5. Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	Ban hành quyết định, chức năng nhiệm vụ của đơn vị phụ trách công tác đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên	BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	01/03/2020	30/04/2020
	Xây dựng dữ liệu/báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên	BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	03/2020	09/2020
	Xây dựng dữ liệu về các nghiên cứu và công bố; dữ liệu các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên, nhân viên	BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	Hàng năm	Hàng năm
6. Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà	Lấy ý kiến các bên liên quan về rà soát, đánh giá chế độ, chính sách quy trình và quy	BAN TCCB TKKT& KĐCLĐT	Các đơn vị trong trường	03/2020	9/2020

	nhân lực				
7. Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	Báo cáo kết quả việc thực hiện các chế độ, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực trước và sau cải tiến	BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	Trước khi ban hành văn bản	
	Các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và đội ngũ; chính sách nhân sự	BAN TCCB	Các đơn vị trong trường	Hàng năm	Hàng năm
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất					
1. Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành	Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đề án tự chủ tài chính của Nhà trường.	BAN KHTC	Các đơn vị liên quan	Đang thực hiện	12/2020
	Xây dựng kế hoạch ngân sách Hàng năm và giai đoạn 3 năm liên kè	BAN KHTC	Các đơn vị liên quan	Tháng 7 Hàng năm	Tháng 7 Hàng năm
	Báo cáo danh mục đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo,	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN QLĐT, BAN KHTC, BAN QLKH		Hàng năm

	hoạt động khác của CSGD cho 5 năm của chu kỳ đánh giá.				
2. Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	Thực hiện lập chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về cơ sở vật chất trang thiết bị.	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN KHTC	4/2020	12/2020
	Thực hiện báo cáo, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng.	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN KHTC	Hằng năm	Hằng năm
	Báo cáo danh mục đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của CSGD cho 5 năm của chu kỳ	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN KHTC	Hằng năm	Hằng năm

	Rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN KHTC	4/2020	12/2020
3. Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin phần mềm quản lý và điều hành nhà trường, hỗ trợ lưu trữ các cơ sở dữ liệu dùng chung trong toàn Trường	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN KHTC, VĂN PHÒNG	12/2020	12/2020
4. Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các	Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin	PHÒNG QT VÀ QLKTX	BAN KHTC, VĂN PHÒNG	12/2020	12/2020

<p>như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.</p>	<p>và điều hành nhà trường, hỗ trợ lưu trữ các cơ sở dữ liệu dùng chung trong toàn Trường</p>				
<p>5. Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.</p>	<p>Xây dựng không gian học tập phục vụ sinh viên và không gian nghiên cứu phục vụ giảng viên Khoa/ Viện</p>	<p>PHÒNG QT VÀ QLKTX</p>	<p>BAN KHTC</p>	<p>12/2020</p>	<p>12/2020</p>
<p>Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</p>					
<p>1. Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ</p>	<p>- Xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Trường trung hạn và dài hạn - Quy định về</p>	<p>BAN HTQT</p>	<p>Ban Giám đốc, BAN TCCB, VĂN PHÒNG</p>	<p>2020</p>	<p>2021</p>

	đổi ngoại				
2. Tiêu chí 8.2: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.	- Ban hành chính sách và quy trình thỏa thuận hợp tác đổi ngoại - Tăng cường thỏa thuận hợp tác NCKH với các tổ chức trong và ngoài nước	BAN HTQT	Ban Giám đốc, BAN TCCB, VĂN PHÒNG	2020	2021
3. Tiêu chí 8.3: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.	Xây dựng báo cáo, rà soát đánh giá hiệu quả hợp tác đối với	BAN HTQT	Ban Giám đốc, BAN TCCB, VĂN PHÒNG	2020	2022
4. Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	Thực hiện các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược	BAN HTQT	Ban Giám đốc, BAN TCCB, VĂN PHÒNG	2020	2022
Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong					
1. Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên	Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến công tác ĐBCLGD.	TTKT& KĐCL	Ban Giám đốc, BAN TCCB	Hàng năm	Hàng năm

<p>để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.</p>					
<p>2. Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.</p>	<p>Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL</p>	<p>TTKT& KĐCL</p>	<p>Ban Giám đốc, BAN TCCB</p>	<p>Hàng năm</p>	<p>Hàng năm</p>
<p>3. Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai</p>	<p>Hoàn thiện Sổ tay ĐBCL</p>	<p>TTKT& KĐCL</p>	<p>Ban Giám đốc, CTCT &HTSV, BAN QLĐT</p>	<p>05/2020</p>	<p>12/2020</p>

4. Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.	Hoàn thiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về ĐBCL;	TTKT&KĐCL	CÁC ĐƠN VỊ TRONG TRƯỜNG	05/2020	09/2020
	Định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL	TTKT&KĐCL	HĐT; BGĐ	Hàng năm	Hàng năm
5. Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.	Tổ chức tổng kết/đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường giai đoạn 2020 - 2022	TTKT&KĐCL	HĐT, BGĐ	2020	2022
6. Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.	Rà soát kế hoạch mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD	Hội đồng trường, Ban Giám đốc	TT KT&KĐCLĐT	Hàng năm	Hàng năm
Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài					
1. Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá	Theo dõi Kế hoạch công tác tự	TTKT&KĐCL	Các đơn vị khoa viện	Thường xuyên	Thường xuyên

việc đánh giá ngoài được thiết lập.	giá ngoài trường ĐH Vinh giai đoạn 2020-2025				
2. Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.	Triển khai thực hiện công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài giai đoạn 2020-2025 theo đúng tiến độ	Các đơn vị trong toàn trường	TT KT&KĐCLĐT	Thường xuyên	Thường xuyên
3. Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	Xây dựng và ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng CSGD giai đoạn 2020-2022	TTKT&KĐCL	VĂN PHÒNG	03/2020	05/2020
	Xây dựng và ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT theo kế hoạch tự đánh giá và ĐGN đã ban hành	Các đơn vị đào tạo	TT KT&KĐCLĐT	Hàng năm	Hàng năm
4. Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để	Thực hiện rà soát, đánh giá quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài (kế hoạch, phân công trách nhiệm, các	TTKT&KĐCL	Hội đồng trường Ban Giám đốc	05/2020	12/2020

tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục	cách thức chuẩn bị, lập kế hoạch cải tiến,...)				
Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong					
1. Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.	Xây dựng và hoàn thiện phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong	TTKT& KĐCL	VĂN PHÒNG	2019	09/2020
2. Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong	TTKT& KĐCL	VĂN PHÒNG	Thường xuyên	Thường xuyên

thống nhất, bảo mật và an toàn.					
3. Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin	Rà soát phần mềm quản lý thông tin ĐBCL bên trong	TTKT&KĐCL	VĂN PHÒNG	Thường xuyên	Thường xuyên
4. Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong	TTKT&KĐCL	VĂN PHÒNG	Hàng năm	Hàng năm
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng					
1. Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ	Xây dựng văn bản quy định, hướng dẫn việc thực hiện cải tiến	TTKT&KĐCL	BGD, BAN TCCB	05/2020	12/2020

sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	kết quả đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trước và sau cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh	TTKT&KĐCL	CÁC ĐƠN VỊ TRONG TRƯỜNG	Hằng năm	Hằng năm
Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học					
1. Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.	Xây dựng kế hoạch để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.	BAN QLĐT	Các khoa/viện	12/2019	Theo kế hoạch hằng năm
	Xây dựng chính sách để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD.	BAN QLĐT	Các khoa/viện	12/2019	Theo kế hoạch hằng năm
	Tăng cường công tác truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD	CTCT &HTSV	BAN QLĐT, Các khoa/viện, Đoàn TN	12/2019	Theo kế hoạch hằng năm
2. Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi	Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.	BAN QLĐT, Các khoa/viện TTKT&		12/2019	Theo kế hoạch hằng năm

	<p>ra.</p> <p>- Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.</p>				
<p>4. Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng</p>	<p>- Cải tiến hệ thống văn bản về công tác giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng các hoạt động dạy và học.</p> <p>- Tiếp tục cải tiến việc thực hiện giám sát và đánh giá các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.</p>	<p>BAN THANH TRA</p>	<p>BAN QLĐT, TTKT&KDCL CÁC KHOA/VIỆN</p>	<p>01/2020</p>	<p>Theo kế hoạch hàng năm</p>
<p>5. Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học</p>	<p>Tiếp tục rà soát, điều chỉnh triết lý giáo dục và các hoạt động dạy,</p>	<p>Hội đồng Trưởng</p>	<p>BAN QLĐT, Các khoa/viện, TTKT&KDCL</p>	<p>01/2020</p>	<p>Theo kế hoạch hàng năm</p>

<p>được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời</p>	<p>xu thế thời đại, để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.</p>				
<p>Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học</p>					
<p>1. Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập</p>	<p>- Tiếp tục rà soát các quy định, hướng dẫn về kiểm tra, đánh giá; các kế hoạch thực hiện xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi, quy trình thi. - Rà soát các bản phân công trách nhiệm cụ thể trong việc đánh giá người học.</p>	<p>TT KT& KĐCL</p>	<p>- BAN QLĐT - CÁC KHOA/VIỆN</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>
<p>2. Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra</p>	<p>Tiếp tục rà soát văn bản quy định về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học; Tiếp tục triển khai thực hiện phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đặc thù đối với mỗi</p>	<p>TTKT& KĐCL</p>	<p>- BAN QLĐT - CÁC KHOA/VIỆN</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>

	loại môn học/học phần, mỗi loại kỳ thi/đánh giá				
3. Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra	<p>- Ban hành văn bản quy định về rà soát quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học.</p> <p>- Tiếp tục triển khai quá trình phân tích, nghiên cứu các loại hình/hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại môn học/học phần, mỗi loại kỳ thi/đánh giá;</p> <p>Các ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về kiểm tra, đánh giá</p>	TTKT&KĐCL	- BAN QLĐT - CÁC KHOA/VIỆN	2020	2022
4. Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra	<p>- Bổ sung/hoàn thiện Sổ tay sinh viên Hàng năm</p> <p>- Hàng năm lấy ý kiến phản hồi về các loại hình/phương pháp đánh giá người học .</p>	TTKT&KĐCL	- BAN QLĐT CTCT&HTSV - CÁC KHOA/VIỆN	2020	2022

<p>1. Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.</p>	<p>1. Tiếp tục rà soát, bổ sung các quy chế/quy định/văn bản về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.</p> <p>2. Xây dựng kế hoạch thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.</p> <p>3. Xây dựng hệ thống giám sát người học (phần mềm quản lý; cơ sở dữ liệu đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của người học; thanh tra đào tạo,...).</p> <p>4. Ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; thực hiện đo lường và</p>	<p>CTCT& HTSV (mục 1,2 và 4) TTKT& KĐCL (mục 3)</p>	<p>BAN QLĐT, Đoàn TN, Các viện/khoa, Các đơn vị liên quan</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>
--	--	---	---	-------------	-------------

	hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ.				
2. Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	1. Tiếp tục rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm DV, HTSV&QHDN; phân công các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho người học; có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ người học.2. Tổ chức triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.3. Triển khai các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học.4. Tiếp tục tổ chức khảo sát người học về hiệu quả của các hoạt động	CTCT &HTSV (mục 1,2 và 4 - hỗ trợ) TTKT& KĐCL (mục 3 và 4 - giám sát)	BAN QLĐT, Đoàn TN Các viện/khoa, Các đơn vị liên quan	2020	2022

	giám sát.				
3. Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát	<p>1. Triển khai thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát.</p> <p>2. Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát.</p>	<p>CTCT &HTSV (mục 1)</p> <p>TTKT& KĐCL (mục 2)</p>	<p>BAN QLĐT, Đoàn TN</p> <p>Các viện/khoa, Các đơn vị liên quan</p>	2020	2022
4. Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	<p>1. Có các chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.</p> <p>2. Có các chỉ số cải thiện về phần mềm quản lý người học, cơ sở dữ liệu về kết quả đánh giá người học, hệ thống cố vấn học tập, _3. Ít</p>	<p>CTCT &HTSV (mục 1 và 3)</p> <p>TTKT& KĐCL (mục 2 và 3)</p>	<p>BAN QLĐT, Đoàn TN</p> <p>Các viện/khoa, Các đơn vị liên quan</p>	2020	2022

	<p>người học, cựu người học (được khảo sát) hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học.</p>				
--	---	--	--	--	--

Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học

<p>1. Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.</p>	<p>Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học</p>	<p>BAN QLKH</p>	<p>VĂN PHÒNG BAN QLĐT BAN HTQT</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>
<p>2. Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được</p>	<p>Triển khai chiến lược phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, ...</p>	<p>BAN QLKH BAN HTQT</p>	<p>Các đơn vị đào tạo</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>

mạng của cơ sở giáo dục.					
3. Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.	- Xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể về số lượng và về chất lượng công trình nghiên cứu. - Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn cụ thể làm căn cứ đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch KHCN cho từng giai đoạn.	BAN QLKH BAN HTQT	Các đơn vị đào tạo	2020	2022
4. Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.	Công tác quản lý nghiên cứu được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan.	BAN QLKH	BAN HTQT, TTKT&KĐCL Các đơn vị đào tạo	2020	2022
Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ					
1. Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu	- Có quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế bản quyền và các kết quả nghiên cứu phù hợp với	BAN QLKH BAN HTQT	BAN TCCB, VĂN PHÒNG	2020	2022

	gia và quốc tế. - Có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu.				
2. Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	Xây dựng cơ sở dữ liệu; rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ.	BAN QLKH BAN HTQT	BAN TCCB, VĂN PHÒNG	2020	2022
3. Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện	Có tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ Hằng năm .	BAN QLKH BAN HTQT	BAN TCCB, VĂN PHÒNG	2020	2022
4. Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng	Có kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả.	BAN QLKH BAN HTQT	BAN TCCB, VĂN PHÒNG, PHÒNG QT&KTX	2020	2022
Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học					
1. Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống	Xây dựng chiến lược phát triển	BAN HTQT	BAN TCCB	2020	2022

<p>quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu</p>	<p>các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường.</p>				
<p>2. Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu</p>	<p>- Triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác - Thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đem lại hiệu quả về nghiên cứu khoa học</p>	<p>BAN HTQT</p>	<p>BAN TCCB CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO</p>	<p>2020</p>	<p>2021</p>
<p>3. Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện</p>	<p>Tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể (theo giai đoạn, giữa giai đoạn) làm căn cứ để điều chỉnh các</p>	<p>BAN HTQT</p>	<p>BAN TCCB</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>

	dựng các đối tác chiến lược.				
4. Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu	Thực hiện cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được những hiệu quả từ những hoạt động phát triển hợp tác, phát triển đối tác của Nhà trường cũng như làm gia tăng các nguồn lực cho trường (nhân lực, tài lực)	BAN QLKH, BAN HTQT	Ban Giám đốc, Hội đồng khoa học, CÁC KHOA/VIỆN	2020	2022
Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng					
1. Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục	Ban hành quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng tuân thủ các quy định của pháp luật .	CTCT& HTSV	BAN TCCB, CÁC KHOA/VIỆN	05/2020	12/2020
2. Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho	Ban hành chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp	CTCT& HTSV	BAN TCCB, BAN QLKH, CÁC	01/2021	05/2021

<p>và phục vụ cộng đồng được thực hiện</p>	<p>vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường (các hoạt động tình nguyện của giảng viên và người học; các chuyên giao KHCN, ...).</p>				
<p>3. Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống đo lường (chỉ số, chỉ báo) kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng. - Thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng. 	<p>CTCT& HTSV</p>	<p>TTKT&KĐCL ĐOÀN TN, BAN QLKH, CÁC KHOA/VIỆN</p>	<p>01/2021</p>	<p>05/2021</p>
<p>4. Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. - Thực hiện cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. 	<p>CTCT& HTSV</p>	<p>TTKT&KĐCL ĐOÀN TN, BAN QLKH, CÁC KHOA/VIỆN</p>	<p>05/2021</p>	<p>2022</p>

	cầu của các bên liên quan theo đúng kế hoạch.				
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo					
1. Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người học nhằm đảm bảo cải tiến việc xác lập, giám sát và đối sánh tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần	BAN QLĐT, TTKT& KĐCL	Các khoa/viện	01/2020	Hằng năm
2. Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người học nhằm đảm bảo cải tiến việc xác lập, giám sát và đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo	BAN QLĐT, TTKT& KĐCL	Các khoa/viện	01/2020	Hằng năm
3. Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người học	BAN QLĐT, TTKT&	các khoa/viện	01/2020	Hằng năm

<p>cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến</p>	<p>tiến việc xác lập, giám sát và đối sánh về khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo.</p> <p><i>(Kết quả khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của nhà trường về sinh viên tốt nghiệp.</i></p> <p><i>Tăng cường các hoạt động hỗ trợ sinh viên và kết nối với người sử dụng lao động nhằm tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo).</i></p>				
<p>4. Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối</p>	<p>Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về xác lập, giám sát và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về</p>	<p>BAN QLĐT, TTKT& KĐCL</p>	<p>các khoa/viện</p>	<p>01/2020</p>	<p>Hàng năm</p>

	người học tốt nghiệp.				
Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học					
1. Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	- Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu.	BAN QLKH		2020	2021
2. Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	- Ban hành quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà người học thực hiện. - Đưa vào sử dụng hệ thống theo dõi, giám sát	BAN QLKH		2021	2022

lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của người học (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, ...). Có cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học. - Thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học được đối sánh

	nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực).			
3. Tiêu chí 23.3: Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	<p>- Sử dụng hệ thống theo dõi, giám sát, có cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF.</p> <p>- Ban hành kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.</p>	BAN QLKH	2021	2022
4. Tiêu chí 23.4: Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	Ban hành hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ (các quy định hướng dẫn, nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ các tài sản trí tuệ;	BAN QLKH	2021	2022

	để đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, ...). Có cơ sở dữ liệu được cập nhật về tài sản trí tuệ.				
5. Tiêu chí 23.5: Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	Xây dựng hệ thống giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu (các quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá,...).	BAN QLKH BAN KHTC		2021	2022
6. Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp, v.v. được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	- Ban hành quy định về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) trong hoạt động KH-CN của trường. - Thực hiện rà soát và điều chỉnh	BAN QLKH	TTKT&KĐCL	2020	2022

	cứu và sáng tạo; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.				
Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng					
1. Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	1. Ban hành văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 2. Xây dựng hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. 3. Triển khai thực hiện đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia	CTCT& HTSV	BAN QLĐT TTKT&KĐCL CÁC KHOA/VIỆN	2021	2022

	nôi và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; thực hiện rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng tham				
2. Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	<p>1. Ban hành kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.</p> <p>2. Xây dựng hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.</p> <p>3. Triển khai thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.</p> <p>4. Tổ chức thu</p>	CTCT& HTSV	BAN QLĐT TTKT&KĐCL CÁC KHOA/VIỆN	2020	2022

	<p>phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.</p> <p>5. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng về chất lượng phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về hoạt động này.</p>				
<p>3. Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>1. Xây dựng kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.</p> <p>2. Xây dựng hệ thống giám sát về tác động xã hội,</p>	<p>CTCT& HTSV (hoạt động kết nối, phục vụ của người học) BAN TCCB (hoạt động kết nối, phục</p>	<p>-Các viện, khoa - Các đơn vị liên quan</p>	<p>2021</p>	<p>2022</p>

	<p>động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.</p> <p>3. Triển khai thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.</p> <p>4. Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên.</p> <p>5. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng về chất lượng phục vụ cộng đồng đối với</p>	cán bộ)			
--	--	---------	--	--	--

	<p>lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội hằng năm.6. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.</p>				
--	--	--	--	--	--

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

<p>1. Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ</p>	<p>Thực hiện việc khảo sát, đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH</p>	<p>TTKT& KĐCL</p>	<p>BAN KHTC BAN QLĐT BAN QLKH</p>	<p>2020</p>	<p>2022</p>
--	---	---------------------------	---	-------------	-------------

lập, giám sát và đối sánh để cải tiến					
2. Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	thực hiện đối sánh về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	TTKT& KĐCL	BAN QLĐT BAN QLKH CTCT&HTSV	2020	2022

Q. GIÁM ĐỐC



Lưu Văn An